

**CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN ĐIỆN  
TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22 /CBTT-DTV

Trà Vinh, ngày 29 tháng 03 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN  
NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GDCK HÀ NỘI**

Kính gửi: - Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội;  
- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh.

Mã chứng khoán: **DTV**

Địa chỉ trụ sở chính: Số 68, Nguyễn Chí Thanh, Khóm 1, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại: (84 – 0294) 6520688

Fax: (84 - 0294) 3850017

Người thực hiện công bố thông tin: Lê Thị Khê

Địa chỉ: Khóm 2, Thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại (di động): 0907917999 Fax: (84 - 0294) 3850017

Loại thông tin công bố:  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu

2. Nội dung thông tin công bố: Công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2021.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của DTV vào ngày 29/03/2022 tại đường dẫn: <http://www.diennongthontv.com/quan-he-co-dong.html>

4. Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu TK, VT.



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN TRÀ VINH



[www.diennongthontv.com](http://www.diennongthontv.com)



0294. 3850016



0294.3850017



Số 68, Nguyễn Chí Thanh, Khóm 1, Phường 9, TP. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh

**2021** BÁO CÁO  
THƯỜNG NIÊN

# MỤC LỤC

## 01 THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Các rủi ro

## 02 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
4. Tình hình tài chính
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

## 03 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

## 04 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

## 05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

## 06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

# 01

## THÔNG TIN CHUNG

- 1 Thông tin khái quát
- 2 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 3 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 4 Định hướng phát triển
- 5 Các rủi ro



# THÔNG TIN KHÁI QUÁT

<b>Tên giao dịch:</b>	CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN TRÀ VINH
<b>Tên tiếng anh:</b>	TRA VINH ELECTRIC DEVELOPMENT JOINT STOCK CORPORATION
<b>Tên viết tắt:</b>	DTV
<b>Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:</b>	2100110200 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh cấp lần đầu vào ngày 13/07/2006, thay đổi lần 6 ngày 8/07/2021.
<b>Vốn điều lệ:</b>	52.800.000.000 đồng.
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu:</b>	52.800.000.000 đồng



Số 68, Nguyễn Chí Thanh, Khóm 1, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam



[www.diennongthontv.com](http://www.diennongthontv.com)



0294. 3850016



Sàn giao dịch  
**UPCOM**



0294.3850017



Mã cổ phiếu:  
**DTV**





# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



Công ty Phát triển Điện Trà Vinh tiền thân là Ban Quản lý Điện nông thôn Trà Vinh, được thành lập và đi vào hoạt động với nguồn vốn gần 500 triệu đồng.



Công ty Phát triển Điện Nông thôn Trà Vinh chính thức được giao dịch trên sàn Upcom với mã cổ phiếu là DTV.



Ngày 31/03/2020, Công ty thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 5, chính thức đổi tên từ Công ty Cổ phần Phát triển Điện nông thôn Trà Vinh thành Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh.

Ngày 29/10/2020, Công ty thay đổi giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán lần 1.

1996

2006

2010

2017

2020

2021

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Trà Vinh đã cấp giấy chứng nhận kinh doanh đăng ký số 5803000028 cho Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh với số vốn điều lệ 52.800.000.000 đồng.



Công ty thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 4.



Ngày 08/07/2021, Công ty thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 6.





## CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

Năm	Hình thức khen thưởng	Quyết định
2012	Bằng khen của UBND tỉnh năm 2012 (thay Cờ) (đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2012).	Quyết định số 822/QĐ-UBND ngày 02 tháng 05 năm 2013 của Chủ tịch UBND tỉnh.
2013	Bằng khen của UBND tỉnh 2013 (thay Cờ) (đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2013).	Quyết định số 604/QĐ-UBND ngày 29/4/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh.
2013	Huân chương LĐ hạng ba giai đoạn 2009-2013 (đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2009 – 2013 góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và Bảo vệ tổ quốc).	Quyết định số 2665/QĐ-CTN, ngày 17/10/2014 của Chủ tịch nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.
2013	Bằng khen của Bộ Y tế “đã có thành tích trong công tác phòng chống bệnh nghề nghiệp và chăm sóc sức khỏe người lao động năm 2013”.	Quyết định số 885/QĐ-BYT ngày 13/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Y tế.
2014	Cờ thi đua Tỉnh.	Số 1308/QĐ-TTg ngày 17/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ.
2015	Bằng khen UBND tỉnh “Đã có thành tích đóng góp cho phong trào thi đua yêu nước tỉnh Trà Vinh 05 năm (2010-2015)”.	Quyết định số 1430/QĐ-UBND, ngày 01/9/2015
2016	Cờ thi đua Tỉnh.	Quyết định số 822/QĐ-UBND ngày 02/5/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh.
2018	Bằng khen UBND tỉnh “Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2018”.	
2019	Bằng khen của Bộ Công Thương “Có thành tích xuất sắc trong thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới của Bộ Công Thương, giai đoạn 2010 – 2020”.	Quyết định số 2854/QĐ-BCT, ngày 19/9/2019
2020	Bằng khen UBND tỉnh “Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2019”.	Quyết định số 2471/QĐ-UBND, ngày 23/6/2020 Chủ tịch Đồng Văn Lâm ký.
	Bằng khen UBND tỉnh “Đã hoàn thành tốt chính sách, pháp luật thuế 2019”.	Quyết định số 1829/QĐ-UBND, ngày 20/3/2020 Chủ tịch Đồng Văn Lâm ký.
	Giấy khen của BHXH tỉnh trà vinh: thực hiện tốt chính sách BHXH, BHYT, BHTT, BHTNLĐ, BNN năm 2020.	Quyết định số 319/QĐ-BHXH, ngày 02/12/2020 Giám đốc: Bùi Quang Huy ký.



## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

**Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;**

- Chi tiết: Kinh doanh mua bán điện, vật tư chuyên ngành điện.

**Lắp đặt hệ thống điện;**

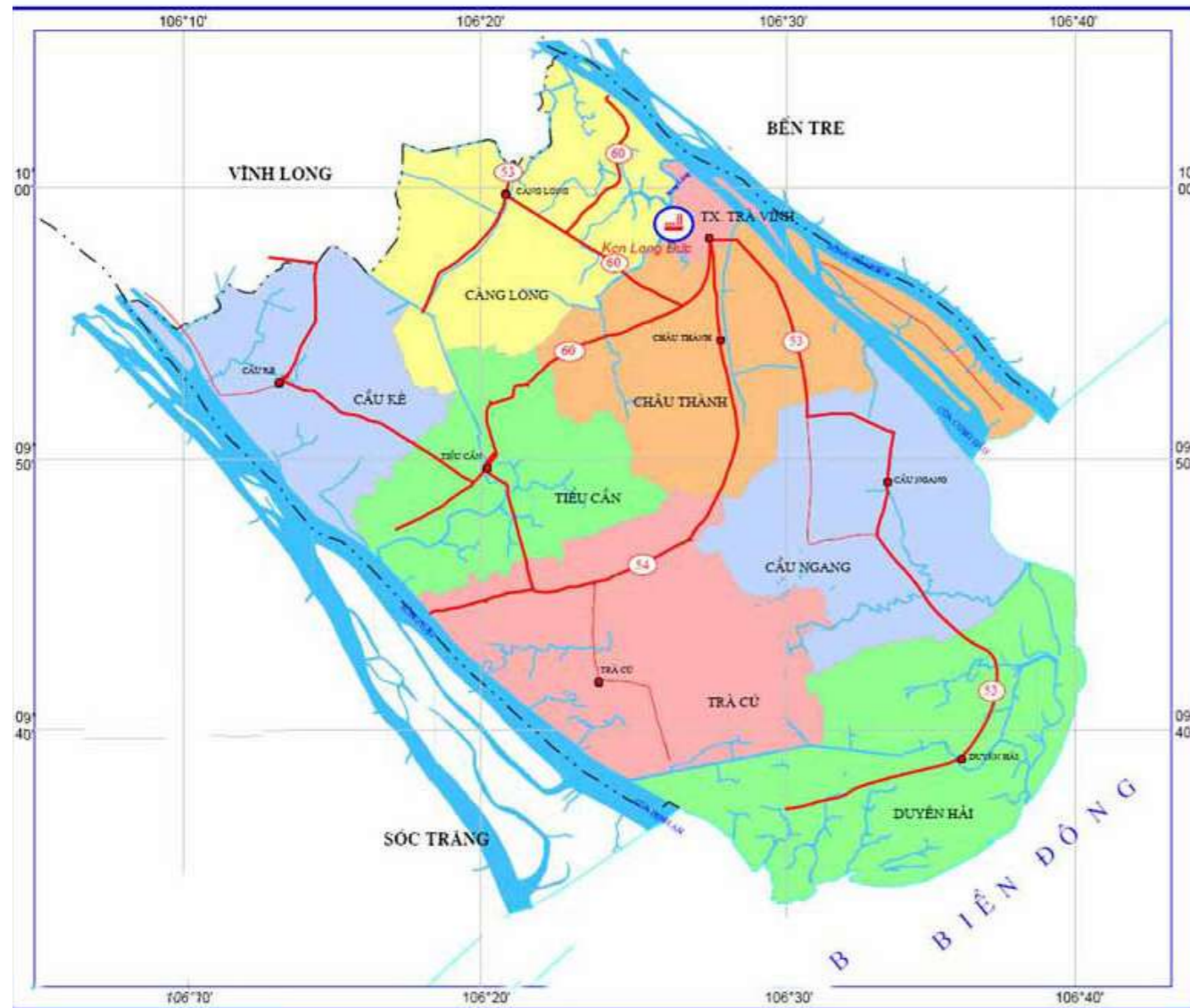
- Chi tiết: Đầu tư xây dựng phát triển công trình điện. Thi công lắp đặt đường dây và trạm biến áp cấp điện áp 35KV.

**Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;**

- Chi tiết: Tư vấn, thiết kế, giám sát công trình điện áp 35KV.

## ĐỊA BÀN KINH DOANH

Công ty hoạt động và kinh doanh trên 07 huyện, 01 thị xã và một phần thành phố Trà Vinh.



## MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh tổ chức theo quy định tại Luật doanh nghiệp hiện hành, Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan với mô hình bao gồm:



**Đại hội đồng cổ đông:** Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.



**Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.



**Ban kiểm soát:** Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty.



**Ban Tổng Giám đốc:** Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

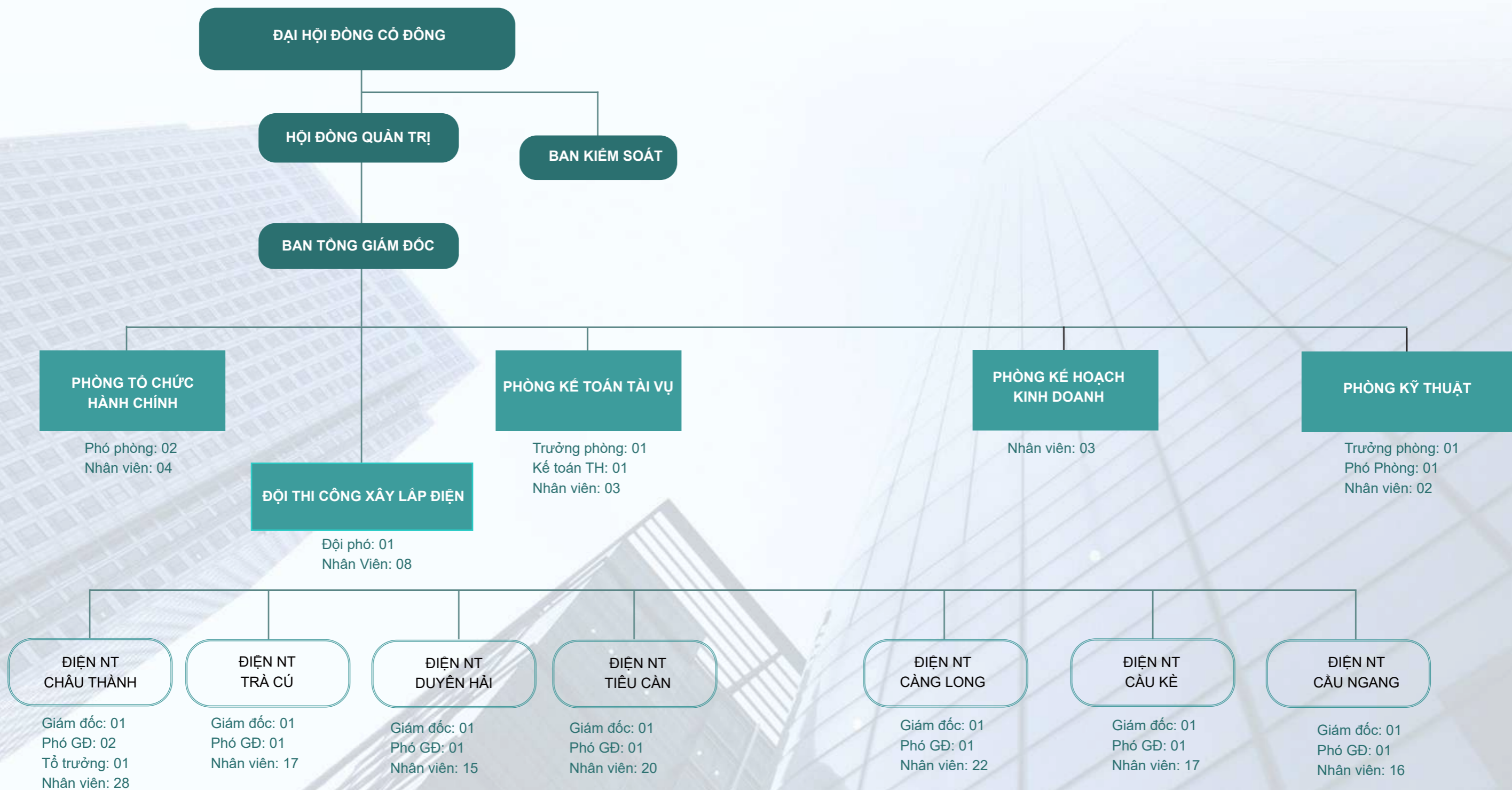






# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

## CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ



**CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT:** Không có



## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



### CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY



Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn chú trọng công tác mở rộng mạng lưới khách hàng và gia tăng sản lượng điện cung cấp, đẩy mạnh đầu tư mới các công trình đường dây hạ thế, cải tạo và sửa chữa các đường dây đã xuống cấp; từ đó phấn đấu hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh được đề ra tại Đại hội đồng cổ đông và đảm bảo lợi nhuận mục tiêu cho năm 2022.



Bên cạnh đó, Công ty luôn quan tâm đến chất lượng lao động bằng cách xây dựng đội ngũ cán bộ nhân viên giỏi về chuyên môn, năng động, sáng tạo, nhạy bén, thích ứng và có năng lực quản lý. Ngoài ra, để đáp ứng cho sự phát triển bền vững, Ban lãnh đạo Công ty hướng đến kế hoạch xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả, duy trì tốc độ tăng trưởng cao và ổn định để đạt mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận, làm tròn nghĩa vụ thuế đối với Nhà nước.

### CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Tập trung nguồn lực phát triển ngành nghề kinh doanh chính, đồng thời nghiên cứu thị trường điện phát triển các loại hình dịch vụ mới và đưa ra các định hướng, chiến lược phù hợp để tăng khả năng cạnh tranh.

Áp dụng công nghệ thông tin vào hệ thống điều hành và quản lý công ty; tập trung phát triển các hoạt động chăm sóc khách hàng nhằm theo sát nhu cầu thực tế và cải thiện chất lượng dịch vụ.

Sắp xếp và tinh giản bộ máy tổ chức, điều chỉnh nhân sự một số phòng ban nhằm đạt được hiệu quả cao trong công tác quản lý và sử dụng hiệu quả chi phí; thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nhân viên để từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm hướng đến mục tiêu phát triển bền vững của Công ty.

Nghiêm túc thực hiện các quy định của pháp luật đối với các hoạt động xây dựng, quản lý, vận hành các công trình điện; đảm bảo an toàn điện cho các hộ dân trên địa bàn.

### CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ CHƯƠNG TRÌNH CHÍNH LIÊN QUAN ĐẾN NGẮN HẠN VÀ TRUNG HẠN CỦA CÔNG TY

Thực hiện nghiêm chỉnh chương trình sản xuất kinh doanh gắn liền với giám sát và quản lý môi trường; cung cấp điện với nguồn nguyên liệu sạch, góp phần bảo vệ môi trường theo định hướng phát triển của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới, đảm bảo phát triển năng lượng một cách bền vững.

Đảm bảo đời sống và việc làm của người lao động, góp phần hỗ trợ sự phát triển của dân cư trong địa bàn hoạt động của Công ty.

Tích cực tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động thiện nguyện, góp phần vào công cuộc xây dựng “Nông thôn mới” của tỉnh Trà Vinh.





### RỦI RO KINH TẾ

Năm 2021 là một năm đầy biến động đối với nền kinh tế Việt Nam do làn sóng Covid-19 lần thứ tư bùng phát; nhiều ngành sản xuất lao đao, sức mua giảm sút và kéo theo đó là cả nền kinh tế đi xuống. Theo Tổng cục Thống kê, GDP ước tính của Việt Nam năm 2021 chỉ tăng 2,58% so với cùng kỳ năm trước. Đặc biệt, trong giai đoạn giãn cách xã hội vào quý III, nhiều doanh nghiệp trong nước bị ảnh hưởng nghiêm trọng buộc phải đóng cửa hoặc không hoạt động hết công suất đã làm tăng tỷ lệ thất nghiệp trong quý lên mức cao nhất trong vòng 10 năm qua. Trong bối cảnh trên, mặc dù ngành điện là là mắt xích quan trọng trong ngành sản xuất năng lượng tại Việt Nam và hoạt động liên tục bất chấp chu kỳ kinh tế nhưng các doanh nghiệp trong ngành điện vẫn gặp phải nhiều khó khăn khi thực hiện nghiệp vụ sản xuất kinh doanh. Theo Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), ngành sản xuất và phân phối điện vẫn tăng trưởng, tuy nhiên, sản lượng điện thương phẩm năm 2021 đạt 225,3 tỷ kWh, tăng 3,85% so với năm 2020 do việc áp dụng các biện pháp giãn cách xã hội để phòng chống dịch khiến cho nhu cầu tiêu thụ điện sụt giảm mạnh từ quý 3/2021.

Với nhiều chính sách khuyến khích sản xuất năng lượng tái tạo của Chính phủ nhằm thúc đẩy gia tăng sản lượng điện cùng nhu cầu cung ứng về điện tăng trưởng đều đặn hàng năm, ngành điện được kỳ vọng sẽ là bàn đạp thúc đẩy cho sự hồi phục kinh tế Việt Nam sau dịch Covid-19. Tuy nhiên, nếu đại dịch vẫn diễn biến chuyển phức tạp thì sẽ ảnh hưởng đến đà hồi phục của ngành điện nói chung và tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty nói riêng. Do đó để giảm thiểu rủi ro, Ban lãnh đạo DTV luôn chủ động nắm bắt tình hình kinh tế, cập nhật diễn biến của thị trường nhằm phân tích, đánh giá và đưa ra các chiến lược, giải pháp kịp thời để đảm bảo cung ứng đủ nhu cầu điện năng, ổn định doanh thu và đạt được các mục tiêu mà nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.



## CÁC YẾU TỐ RỦI RO

### RỦI RO AN TOÀN LAO ĐỘNG

Với đặc thù có ngành nghề chính là quản lý, phân phối, kinh doanh điện và xây dựng mạng lưới điện trên địa bàn tỉnh Trà Vinh nên hoạt động kinh doanh của Công ty chứa đựng nhiều rủi ro cho người lao động. Công ty phải đối mặt với những rủi ro đặc thù ngành như chập, cháy, nổ từ những sự cố bất ngờ ở các trạm biến áp. Để phòng ngừa và hạn chế những rủi ro trên, Công ty đã chủ động áp dụng các biện pháp quản lý kỹ thuật như lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ máy móc, thiết bị; đồng thời chuẩn bị hệ thống dự phòng nhằm đảm bảo công việc diễn ra liên tục, giảm thiểu sai sót và thiệt hại trong công tác vận hành; từ đó giúp Công ty nâng cao hiệu quả hoạt động.

Bên cạnh đó, Công ty đã đáp ứng đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thân thể và các phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động trong quá trình làm việc. Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên thực hiện công tác tác kiểm tra, sát hạch, tập huấn về kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm bảo đảm an toàn lao động. Nhờ những giải pháp trên, Công ty đã hạn chế tối thiểu được các rủi ro về an toàn lao động trong nhiều năm qua.

### RỦI RO PHÁP LUẬT

Do hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, được đăng ký giao dịch UPCOM và hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh điện năng nên Công ty cần tuân thủ các quy định của nhiều văn bản luật khác nhau như: Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Luật Thuế, Luật Môi trường... Bên cạnh đó, điện là mặt hàng kinh doanh chịu sự quản lý chặt chẽ từ các chính sách của Nhà nước nên các quy định về việc điều chỉnh giá điện sẽ có tác động đáng kể tới hoạt động kinh doanh của Công ty.

Cụ thể, từ đầu năm 2021 đến nay, với đề xuất của Bộ Công Thương, Chính phủ đã thực hiện năm (05) đợt giảm giá điện đối với nhiều đối tượng khách hàng sử dụng điện bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh (bao gồm người dân, doanh nghiệp và các cơ sở điều trị Covid-19); điều này gây ra ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Do đó, Công ty luôn chủ động thường xuyên cập nhật những bổ sung, sửa đổi luật và tuân thủ nghiêm ngặt theo quy định của pháp luật để thích nghi và xử lý kịp thời những vấn đề mang yếu tố pháp lý, đảm bảo tính ổn định và duy trì sản xuất kinh doanh hiệu quả.



### RỦI RO KHÁC

Bên cạnh các rủi ro trên, Công ty còn phải chịu các tác động khác như: thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, những biến đổi khắc nghiệt về khí hậu, vấn đề chính trị,... Những rủi ro bất khả kháng này tuy có tần suất xảy ra thấp nhưng có tác động lớn đến tình hình kinh doanh của Công ty, gây thiệt hại đến con người và tài sản. Vì vậy, Công ty đã lập ra các biện pháp dự phòng nhằm giảm thiểu thiệt hại như: mua bảo hiểm cháy nổ cho các tài sản trong công ty, thành lập các đội ứng phó khẩn cấp, và tổ chức diễn tập,...

# 02

## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 2 Tổ chức và nhân sự
- 3 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
- 4 Tình hình tài chính
- 5 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.
- 6 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty



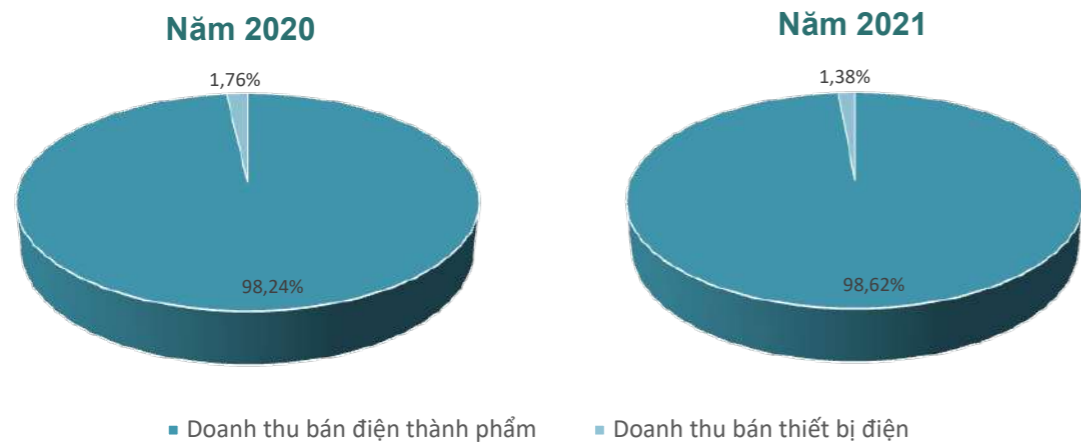
# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM

### Cơ cấu doanh thu

ĐVT: triệu đồng

Doanh thu thuần	Năm 2020		Năm 2021		% Năm 2021/ Năm 2020
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Doanh thu bán điện thành phẩm	510.165	98,24%	549.003	98,62%	107,61%
Doanh thu bán thiết bị điện	9.159	1,76%	7.678	1,38%	83,82%
<b>Tổng cộng</b>	<b>519.324</b>	<b>100%</b>	<b>556.681</b>	<b>100%</b>	<b>107,19%</b>



Trong năm 2021, dưới tác động từ sự bùng phát của làn sóng dịch Covid-19 lần thứ tư đã gây ra những thiệt hại nặng nề đến nền kinh tế cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp trong nước, trong đó có DTV. Trong năm qua, bên cạnh công tác phòng chống dịch, Hội đồng quản trị, Ban lãnh đạo đã kịp thời có những công tác chuẩn bị tốt trong việc vận hành Công ty, đồng thời với sự nỗ lực của toàn thể người lao động đã giúp hoạt động kinh doanh trong năm 2021 duy trì hiệu quả. Cụ thể, doanh thu thuần của Công ty trong năm đạt 557 tỷ đồng, tương đương với mức tăng trưởng 7,19% so với năm 2020. Trong đó:

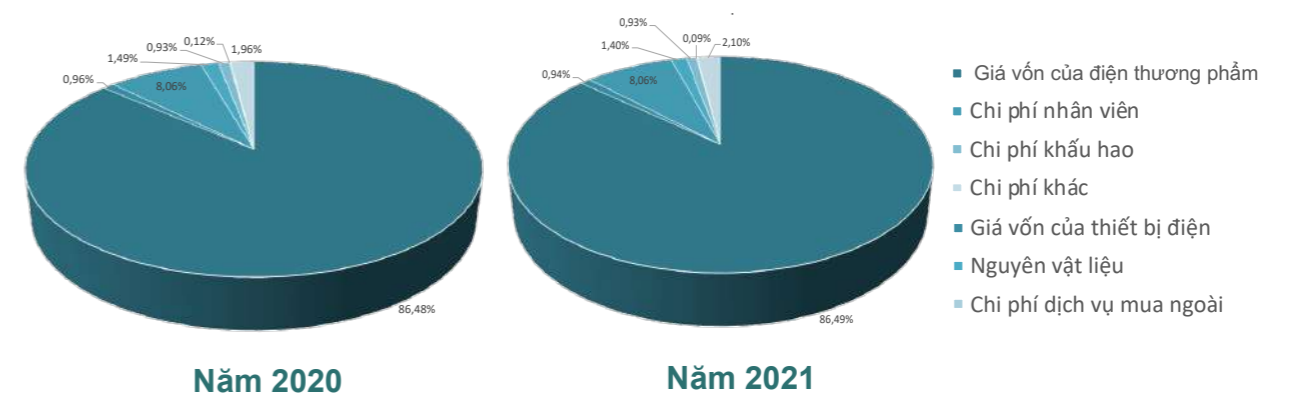
- Mảng kinh doanh bán điện thương phẩm là nguồn doanh thu chính của Công ty khi chiếm đến 98,62% tổng doanh thu, được ghi nhận ở mức 549 tỷ đồng (tương đương tăng 7,61% so với cùng kỳ năm trước). Nguyên nhân chủ yếu là do sản lượng điện bán ra phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của người dân và việc trồng hoa màu, nuôi trồng thủy sản tăng cùng với công trình lưới điện hoàn thành giúp tăng công suất sử dụng điện tại các khu vực nông thôn và vùng đồng bào dân tộc.
- Mảng kinh doanh bán thiết bị điện được ghi nhận đạt gần 8 tỷ đồng, giảm 16,18% so với năm trước, nhưng do tỷ lệ đóng góp không đáng kể trong cơ cấu doanh thu (khoảng 1,38%) nên không có ảnh hưởng nhiều đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Nhìn chung, tình hình kinh doanh của DTV vẫn duy trì ổn định, hiệu quả và đạt được những thành quả nhất định. Kết quả này vừa là niềm khích lệ, vừa là động lực để Công ty nỗ lực phấn đấu không ngừng phát triển trong thời gian tới.

### Cơ cấu chi phí

ĐVT: triệu đồng

Chi phí	Năm 2020		Năm 2021		% Năm 2021/ Năm 2020
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Giá vốn của điện thương phẩm	429.227	86,48%	458.291	86,49%	106,77%
Giá vốn của thiết bị điện	4.766	0,96%	4.958	0,94%	104,02%
Chi phí nhân viên	40.006	8,06%	42.719	8,06%	106,78%
Nguyên vật liệu	7.375	1,49%	7.416	1,40%	100,56%
Chi phí khấu hao	4.626	0,93%	4.941	0,93%	106,79%
Chi phí dịch vụ mua ngoài	575	0,12%	463	0,09%	80,63%
Chi phí khác	9.735	1,96%	11.114	2,10%	114,17%
<b>Tổng cộng</b>	<b>496.310</b>	<b>100%</b>	<b>529.902</b>	<b>100%</b>	<b>106,77%</b>



Trong năm 2021, do hoạt động kinh doanh điện năng hiệu quả, thực hiện nhiều án xây dựng và thiết kế đường điện, đồng thời đạt được sự tăng trưởng trong doanh thu nên giá vốn hàng bán cũng như chi phí của DTV cũng tăng theo tương đương. Tổng chi phí trong năm được ghi nhận là 530 tỷ đồng, tăng 6,77% so với năm 2020. Trong đó:

- Do đặc thù là ngành nghề kinh doanh mua bán điện và đầu tư xây dựng, phát triển các công trình điện nên giá vốn điện thương phẩm chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu chi phí của Công ty (chiếm khoảng 86,49%), tăng khoảng 6,77% so với năm 2020.
- Các khoản mục còn lại như giá vốn của thiết bị điện, nguyên vật liệu, chi phí khấu hao, chi phí dịch vụ mua ngoài giữ mức tỷ trọng ổn định và có xu hướng tăng nhẹ so với cùng kỳ năm 2020 nhưng đóng góp không đáng kể trong cơ cấu chi phí của Công ty.



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## TÌNH HÌNH THỰC HIỆN SO VỚI KẾ HOẠCH

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2020	TH 2021	KH 2021	TH 2021/ TH 2020	TH 2021/ KH 2021
Doanh thu thuần	Triệu đồng	519.324	556.681	562.000	107,19%	99,05%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	28.496	32.164	31.213	112,87%	103,05%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	22.666	25.674	24.970	113,27%	102,82%
Tỷ lệ cổ tức	%	20%	30%	20%	150,00%	150,00%
Tỷ lệ tổn thất điện năng	%	5,61%	4,75%	4,63%	84,67%	102,59%
Phát triển khách hàng	Hộ	3.937	3.148	3.000	79,96%	104,93%

Năm 2021 là năm có nhiều khó khăn thách thức trong công tác sản xuất kinh doanh do diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 lan rộng khắp cả nước đặc biệt các tỉnh phía Nam, trong đó có tỉnh Trà Vinh, cũng là địa bàn hoạt động của Công ty. Trước tình hình trên, với năng lực quản lý, chuyên môn tốt, Ban lãnh đạo Công ty đã tăng cường kỷ cương, chỉ đạo quyết liệt có trọng tâm, linh hoạt và bám sát nhiệm vụ chính trị để đảm bảo thực hiện tốt các chỉ tiêu ĐHCĐ giao phó nhằm mang lại giá trị cho Công ty cùng lợi ích thiết thực cho cổ đông và người lao động.

Nhìn chung, phần lớn các chỉ tiêu chính về kết quả sản xuất kinh doanh của DTV năm 2021 khá khả quan so với tình hình chung.

- Doanh thu tuy không đạt được chỉ tiêu đề ra (đạt 99,05% kế hoạch), nhưng vẫn ở mức cao và tăng trưởng so với năm trước. Nguyên nhân là trong năm Thủ Tướng Chính phủ đã chỉ đạo 5 lần giảm giá điện để hỗ trợ cho người dân của nước vượt qua khó khăn; trong khi nguồn thu chính của Công ty đến từ việc bán điện thương phẩm nên chính sách này đã tác động trực tiếp đến doanh thu của Công ty.
- Lợi nhuận sau thuế đạt gần 26 tỷ đồng (tương đương 102,82% kế hoạch);
- Phát triển khách hàng đạt 3.148 hộ (tương đương 104,93% kế hoạch);
- Mặt khác, tỷ lệ tổn thất điện năng vẫn còn cao (đạt 4,75% so với kế hoạch đề ra là 4,63%) do những nguyên nhân khách quan từ biến đổi khí hậu và dịch bệnh căng thẳng.

Đây là thành quả đáng ghi nhận với sự cố gắng vượt qua khó khăn của tập thể Ban Tổng Giám đốc và cán bộ công nhân viên của DTV trong một năm đầy biến động; là động lực để trong thời gian tới khi dịch bệnh được kiểm soát, nhu cầu tiêu thụ điện phục hồi sẽ thúc đẩy hoạt động kinh doanh của Công ty tăng trưởng mạnh mẽ và đạt được các mục tiêu đề ra.





## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



## DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Lý Ngọc Tuấn	Tổng Giám đốc	3.800	0,07%
2	Trương Thị Thuỳ Linh	Phó Tổng Giám đốc	35.900	0,68%
3	Lê Thị Ngọc Hằng	Kế toán trưởng	4.300	0,08%

## Lý lịch BAN ĐIỀU HÀNH

**Ông LÝ NGỌC TUẤN**  
Thành viên HĐQT  
kiêm Tổng Giám đốc

**Ngày sinh:** 1967

**Nơi sinh:** Yên Bái

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ văn hóa:** 12/12

**Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư Điện - Điện tử (Điện năng)

**Quá trình công tác:**

Từ 10/1987 đến 03/1996	Công tác tại bộ phận Cơ Điện của Xí nghiệp Đông 2/9 (thuộc công ty Thủy sản Cửu Long tỉnh Trà Vinh)
Từ 03/1996 đến nay	Chuyển công tác qua Ban Quản lý Điện Nông Thôn Trà Vinh (Nay là Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh)

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 3.800 CP chiếm 0,07% vốn điều lệ

**Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:** Không

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không





## TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### Bà TRƯƠNG THỊ THUỶ LINH

Phó Tổng Giám đốc

**Năm sinh:** 1975

**Nơi sinh:** Trà Vinh

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ văn hóa:** 12/12

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Quản trị kinh doanh

**Quá trình công tác:**

Từ 07/1999 đến 6/2005	Cán bộ phòng kinh doanh Công ty phát triển điện nông thôn Trà Vinh
Từ 7/2005 đến 2/2009	Phó Phòng Kế toán Tài vụ Kinh doanh Công ty CP phát triển điện nông thôn Trà Vinh
Từ 3/2009 đến 12/2010	Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh Công ty CP phát triển điện nông thôn Trà Vinh
Từ 01/2011 đến nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP phát triển điện Trà Vinh

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 35.900 CP chiếm 0,68% vốn điều lệ

**Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:** Không

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không

**Năm sinh:** 1976

**Nơi sinh:** Bến Tre

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ văn hóa:** 12/12

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế

**Quá trình công tác:**

Từ 11/1999 đến 12/2003	Kế toán Trạm Quản lý Điện Nông thôn Cầu Ngang - Duyên Hải thuộc Công ty Phát triển điện Nông Thôn Trà Vinh (Nay là Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh).
Từ 01/2004 đến 12/2005	Kế toán thanh toán tại Phòng Kế toán Công ty Phát triển Điện Nông Thôn Trà Vinh (Nay là Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh).
Từ 01/2006 đến nay	Kế toán trưởng tại Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh.

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 4.300 CP chiếm 0,08% vốn điều lệ

**Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:** Không

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:** Không

### Bà LÊ THỊ NGỌC HẰNG

Kế toán trưởng

## SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

Tại ngày 31/12/2021

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
<b>A</b>	<b>Theo trình độ</b>	<b>185</b>	<b>100%</b>
1	Trình độ cao học	3	1,62%
2	Trình độ đại học	60	32,43%
3	Trình độ cao đẳng	33	17,84%
4	Trình độ trung cấp	45	24,32%
5	Công nhân kỹ thuật	43	23,24%
6	Lao động phổ thông	1	0,54%
<b>B</b>	<b>Theo độ tuổi</b>	<b>185</b>	<b>100%</b>
1	Dưới 25 tuổi	20	10,81%
2	Từ 25-29 tuổi	26	14,05%
3	Từ 30-39 tuổi	56	30,27%
4	Từ 40-49 tuổi	70	37,84%
5	Dưới 60 tuổi	13	7,03%
<b>C</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>185</b>	<b>100%</b>
1	Nam	165	89,19%
2	Nữ	20	10,81%

## THU NHẬP BÌNH QUÂN

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Tổng số lượng người lao động (người)	190	182	182	185
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	12.348.877	12.813.620	14.625.758	13.352.252

## CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

### Về đào tạo

DTV luôn chú trọng về đào tạo nguồn nhân lực vì đó là nhân tố quan trọng cho sự tồn tại và phát triển của Công ty. Các lớp học để bổ sung kiến thức được tổ chức thường xuyên nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển bản thân của công nhân viên, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đáp ứng được yêu cầu, đòi hỏi trong công việc của người lao động.

Đối với cấp quản lý, Công ty tài trợ việc học cho các thành viên thuộc bộ phận cấp cao các khóa nghiệp vụ chuyên môn phù hợp.

### Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Công ty luôn quan tâm đến chế độ lương, thưởng, phúc lợi cho người lao động nhằm đảm bảo đời sống cho người lao động, tạo động lực cho sự phát triển của mỗi cá nhân, phần đầu góp phần vào sự phát triển của công ty. Căn cứ vào trình độ chuyên môn của từng người mà Công ty có những mức lương, thưởng khác nhau dựa theo quy chế nội bộ và phù hợp với quy định của Nhà nước. Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp cho sự phát triển của công ty như về cải thiện quy trình quản lý, cải tiến công cụ dụng cụ và có những sáng kiến trong hoạt động lắp đặt đường điện, nâng cao hiệu quả hoạt động. Đồng thời áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.

Cán bộ nhân viên của DTV sẽ được hưởng các chính sách và chế độ bảo hiểm như: Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn theo quy định Luật Lao Động của Nhà nước,... Các thiết bị bảo hộ lao động luôn được trang bị đầy đủ và Công ty cũng thường xuyên nhắc nhở nhân viên sử dụng cũng như chấp hành nghiêm túc các quy định về an toàn lao động.

Ngoài ra, hàng năm Công ty còn tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể nhân viên Công ty nhằm giúp nhân viên bảo đảm về sức khỏe.

### Về tuyển dụng

Tuyển dụng đội ngũ công nhân viên phù hợp và có trình độ luôn đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong việc duy trì ổn định hoạt động sản xuất vận hành, quản lý và tạo cơ sở cho sự phát triển bền vững cho Công ty sau này. Vì thế, DTV luôn coi trọng khâu tuyển dụng nhân sự trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các nhân sự ở cấp độ quản lý. Công ty luôn xây dựng những tiêu chuẩn tuyển dụng cho từng vị trí, bộ phận trong Công ty. Căn cứ Quy định về tuyển dụng và sử dụng lao động, hằng năm Công ty đều linh hoạt xây dựng kế hoạch đổi mới công tác tuyển dụng lao động cho phù hợp với tình hình hiện tại.



## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

TT	TÊN HẠNG MỤC	Số lượng công trình	Chiều dài (km)	Dung lượng lắp mới TBA (KVA)	Tổng kinh phí (tỷ đồng)
1	Cải tạo lưới hạ áp	34	23,5	-	1,37
2	Xây dựng mới lưới hạ áp	34	16,31	-	1,50
3	XD mới lưới trung áp và TBA	49	2,81	3.300	3,82
4	Di dời TBA	14	0,14	775	0,29
5	Kiểm định thiết bị đo đếm TBA: 74 trạm	54	-	-	0,17
6	Kiểm định diện kế : MS : 2020:(6.650 hộ); KH năm 2021( 30.662 hộ)	25.449 hộ	-	-	0,75
7	Đầu tư hệ thống đo đếm và thiết bị kèm theo (3.000 hộ); thay điện kế định kỳ (3.000 hộ)	3.148 hộ 3.000 hộ	-	-	1,80 0,87
8	Sửa chữa thường xuyên	-	-	-	2,46
<b>TỔNG CỘNG:</b>		<b>131</b>	<b>42,71</b>	<b>4.075</b>	<b>13,02</b>





# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% 2021/2020
Tổng tài sản	112.882	126.202	111,80%
Doanh thu thuần	519.324	556.681	107,19%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	28.472	32.163	112,96%
Lợi nhuận khác	24	1	5,48%
Lợi nhuận trước thuế	28.496	32.164	112,87%
Lợi nhuận sau thuế	22.666	25.674	113,27%

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	8,16	6,29
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	7,33	5,28
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,08	0,11
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	0,08	0,12
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
Vòng quay khoản phải thu	Vòng	11,84	11,18
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	58,39	45,34
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	4,71	4,66
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	%	0,04	0,05
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	0,22	0,24
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	0,21	0,21
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	0,05	0,06

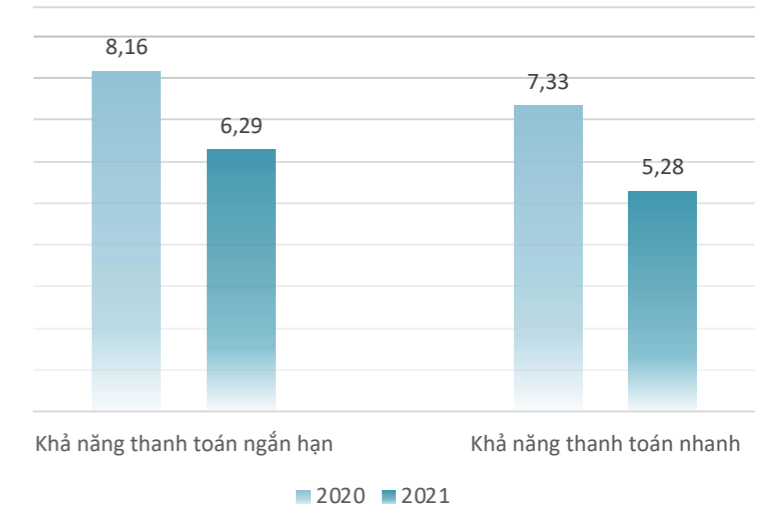


## Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Nhìn chung, các chỉ số về khả năng thanh toán của Công ty tại ngày 31/12/2021 có xu hướng giảm so với cùng kỳ, chỉ số thanh toán ngắn hạn và chỉ số thanh toán nhanh lần lượt đạt 6,29 lần và 5,28 lần (giảm 1,87 lần và 2,06 lần so với năm trước). Nguyên nhân của sự biến động này là do nợ ngắn hạn có tốc độ tăng nhanh hơn so với tài sản ngắn hạn, cụ thể:

- Nợ ngắn hạn tăng 53,7% (tương ứng tăng 4,7 tỷ đồng) chủ yếu đến từ khoản mục Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng 81,02% (tương ứng 0,6 tỷ đồng); phải trả người lao động tăng 55,13% (tương ứng 3,8 tỷ đồng);
- Tài sản ngắn hạn tăng 18,43% (tương ứng 13,3 tỷ đồng) nguyên nhân là do tiền và tương đương tiền tăng mạnh khoảng 92,85% (tương ứng 5,5 tỷ đồng) so với năm trước. Đồng thời, khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng và hàng tồn kho cũng lần lượt tăng 25,12% và 87,99% (tương ứng 11,1 tỷ và 6,4 tỷ).

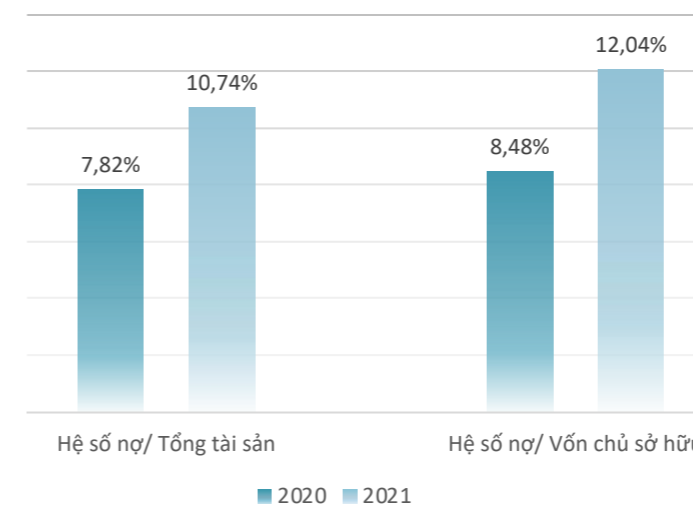
Theo đó, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty dù giảm nhưng vẫn ở mức khá cao do Công ty luôn ưu tiên sử dụng nguồn vốn tự có để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh và hạn chế đi vay từ bên ngoài, điều này giúp Công ty vẫn đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn gần đến hạn phải trả. Khả năng thanh khoản tốt là một lợi thế lớn của Công ty giúp duy trì hoạt động kinh doanh luôn ổn định trước bối cảnh khó khăn trong năm qua.



## Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Trong năm qua, với mức tăng cao trong tổng nợ và tổng tài sản trong khi vốn chủ sở hữu của Công ty giữ ở mức ổn định khiến cho các chỉ tiêu về cơ cấu vốn của Công ty có xu hướng tăng so với năm 2020. Cụ thể, tổng tài sản và tổng nợ lần lượt tăng 11,8% và 53,7% (tương đương 13,3 tỷ đồng và 4,7 tỷ đồng); vốn chủ sở hữu tăng chỉ 8,25% (tương đương 8,6 tỷ đồng). Theo đó, hệ số nợ trên tổng tài sản tăng từ 7,82% lên 10,74% và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu tăng từ 8,48% lên 12,04%.

Cơ cấu nợ của Công ty chỉ bao gồm nợ ngắn hạn, việc không có khoản nợ vay tài chính (nợ phải trả lãi) giúp làm giảm áp lực chi phí lãi vay trong quá trình hoạt động của DTV. Điều này cho thấy Công ty đã sử dụng nợ một cách thận trọng và hợp lý, đảm bảo tình hình tài chính của Công ty luôn lành mạnh, duy trì mức rủi ro thấp, tạo điều kiện cho hoạt động kinh doanh đạt hiệu quả tối ưu.

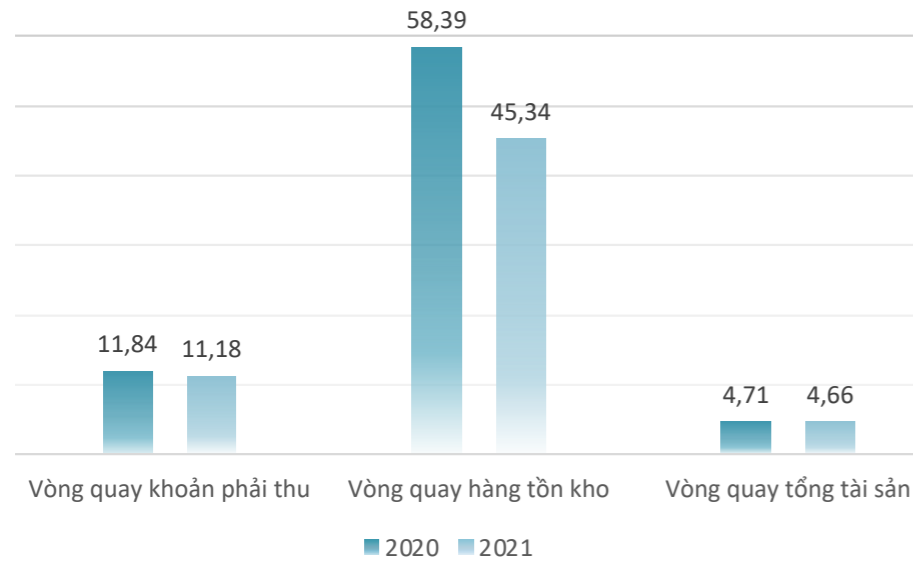




# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



## Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

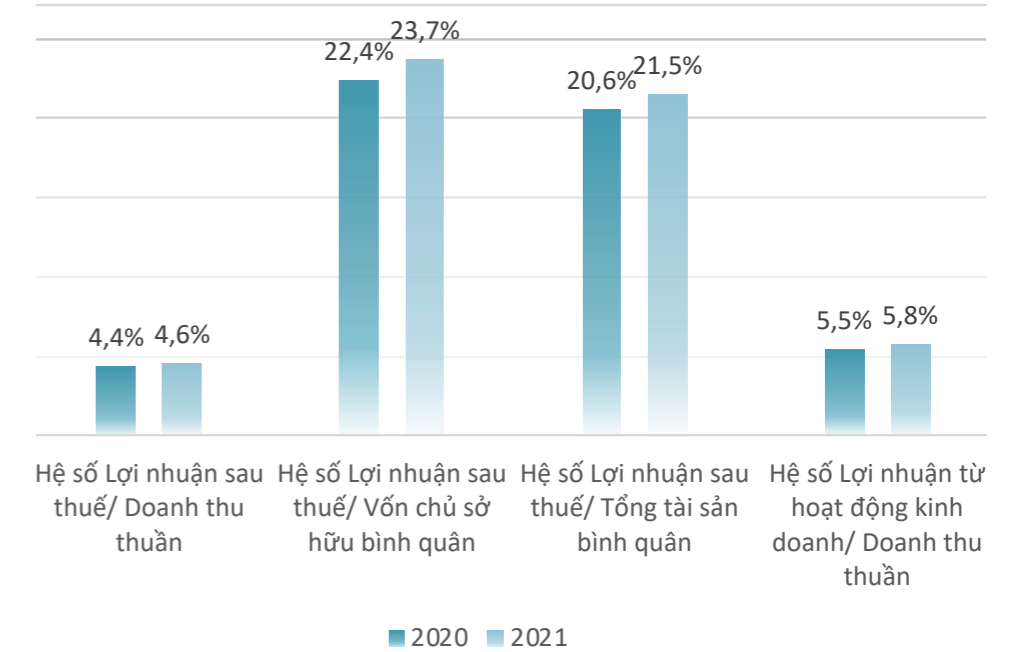


Năm 2021, các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty có xu hướng giảm so với năm 2020, cụ thể:

- Vòng quay khoản phải thu giảm từ 11,84 vòng xuống 11,18 vòng do chính sách nới lỏng tín dụng của Công ty trong năm qua nhằm hỗ trợ khách hàng trong mùa dịch, từ đó tạo sự gắn kết và quan hệ hợp tác lâu dài với Công ty. Theo đó, các khoản phải thu ngắn hạn của Công ty tăng gần 15 tỷ đồng (tương ứng 43,13% so với năm 2020).
- Vòng quay hàng tồn kho giảm từ 58,39 vòng xuống 45,34 vòng vì tốc độ gia tăng của hàng tồn kho nhanh hơn sự gia tăng của giá vốn hàng bán. Do kinh doanh lĩnh vực điện năng nên hàng tồn kho của Công ty chủ yếu là nguyên liệu, vật liệu phục vụ cho công tác xây dựng và sửa chữa đường điện. Theo đó, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 khiến nhiều hoạt động kinh tế bị đóng băng từ đó cũng ảnh hưởng đến tiến độ các dự án lưới điện của Công ty nên lượng nguyên vật liệu hàng tồn kho của DTV tăng so với năm 2020. Đồng thời, với đặc thù của hoạt động kinh doanh đầu tư, xây dựng hệ thống điện công trình có thời gian thi công lâu dài cũng là lí do làm cho hàng tồn kho của Công ty luân chuyển khá chậm.
- Vòng quay tổng tài sản có sự giảm nhẹ từ 4,71 vòng xuống 4,66 vòng nhưng không đáng kể và vẫn duy trì ở mức cao cho thấy Công ty luôn nỗ lực duy trì những chiến lược sử dụng hiệu quả tài sản giúp đẩy mạnh tăng trưởng doanh thu dù trong bối cảnh hết sức khó khăn như năm qua.
- Trong thời gian tới, khi dịch bệnh được kiểm soát, các dự án được triển khai nhanh chóng, hoạt động kinh doanh phục hồi, các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty sẽ nhanh chóng gia tăng.



## Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



Mặc dù trải qua một năm đầy khó khăn do tác động từ dịch bệnh, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty vẫn duy trì khá ổn định và chuyển biến tích cực so với năm trước.

Các chỉ số ROS, ROE và ROA lần lượt tăng từ 4,4%; 22,4%; 20,6% trong năm 2020 lên 4,6%; 23,7% và 21,5% trong năm 2021, cho thấy Công ty đang có triển vọng tăng trưởng lớn trong tương lai. Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 25,7 tỷ đồng, tăng 13,27% so với cùng kỳ năm trước.

Ngoài ra, trong những năm gần đây, Công ty luôn tích cực đầu tư hạ tầng điện các tuyến đường mở rộng mới để phát triển khách hàng, mở thêm ngành nghề, thi công và cung cấp dịch vụ thiết bị năng lượng mặt trời góp phần tăng doanh thu, tăng lợi nhuận hướng đến việc đạt được kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

Cùng với sự tăng trưởng về doanh thu, việc DTV tích cực kiểm soát hiệu quả các khoản chi phí phát sinh cũng là một trong những động lực để đạt được kết quả đầy ấn tượng này. Từ đó cho thấy Ban lãnh đạo DTV đã tập trung mọi nguồn lực để phát triển hoạt động kinh doanh chính nhằm tối ưu hóa lợi nhuận.

Đây là động lực lớn để hoạt động kinh doanh của Công ty có thể phát triển hơn nữa khi tình hình dịch bệnh kiểm soát và nền kinh tế quay lại trạng thái ổn định.

## THÔNG TIN VỀ CỔ PHẦN

### Cổ phần:

- Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 5.280.000 cổ phiếu
  - Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 5.264.000 cổ phiếu
  - Số lượng cổ phiếu quỹ: 16.000 cổ phiếu
- Loại cổ phần:** Cổ phần phổ thông  
**Mệnh giá cổ phần:** 10.000 đồng/cổ phần

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tại ngày 31/12/2021

STT	Loại cổ đông	Số cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	118	5.262.500	52.625.000.000	99,67%
1	Cổ đông Nhà nước	-	-	-	-
2	Cá nhân	114	320.300	3.203.000.000	6,07%
3	Tổ chức	4	4.942.200	49.422.000.000	93,60%
II	Cổ đông nước ngoài	1	1.500	15.000.000	0,03%
1	Cá nhân	1	1.500	15.000.000	0,03%
2	Tổ chức	-	-	-	-
III	Cổ phiếu quỹ	1	16.000	160.000.000	0,30%
Tổng cộng (I+II+III)		120	5.280.000	52.800.000.000	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

## DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tại ngày 31/12/2021

Tên tổ chức/cá nhân	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/VĐL
Công ty TNHH Năng lượng REE	3.498.272	66,26%
Công ty CP Tập đoàn đầu tư IPA	1.075.258	20,36%
Công ty CP Galax	375.270	7,11%

**Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:** Không

**Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không

**Các chứng khoán khác:** Không

## Tiêu thụ năng lượng

Do đặc thù hoạt động trong ngành điện, nguồn năng lượng công ty đang sử dụng cũng chính là hàng hóa mà Công ty kinh doanh. Bên cạnh đó, Công ty còn sử dụng các nguồn nguyên liệu hóa thạch như: xăng, dầu, nhớt để vận hành các phương tiện, máy móc phục vụ cho việc lắp đặt các công trình điện.

Công ty chủ yếu tiêu thụ năng lượng điện cho các hoạt động tại văn phòng làm việc. DTV luôn chú ý để có thể sử dụng nguồn điện điều độ và hợp lý, góp phần vào việc sử dụng có hiệu quả tài nguyên quốc gia và giảm thiểu chi phí hoạt động của doanh nghiệp. Tinh thần tiết kiệm, sử dụng hiệu quả nguồn nguyên, nhiên liệu được quán triệt sâu sắc đến từng cán bộ công nhân viên, góp phần vào lợi ích chung của cộng đồng địa phương và xã hội.

## Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm, Công ty đã tuân thủ tốt các quy định về môi trường, đảm bảo thu gom đầy đủ các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động. Nhờ vậy, trong nhiều năm qua, không có hoạt động nào của DTV bị các cơ quan nhà nước xử phạt về vấn đề môi trường.

## Chính sách liên quan đến người lao động

Công ty luôn coi nguồn nhân lực là động lực để phát triển vững mạnh và ổn định. Vì vậy trong những năm qua, Công ty đã và đang tạo được việc làm ổn định cho cán bộ, công nhân viên của mình, tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định dành cho người lao động, duy trì các chính sách phúc lợi đều đặn hàng năm. Các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn cho người lao động luôn được thực hiện đầy đủ. Ngoài ra, Công ty luôn coi trọng những đóng góp, cống hiến của người lao động bằng việc xem xét nâng bậc lương hoặc có các chế độ khen thưởng xứng đáng trước những sáng kiến, thành tích cao mang lại hiệu quả trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Kết quả là thu nhập bình quân của cán bộ, công nhân viên của Công ty trong những năm gần đây được cải thiện tích cực, người lao động có được công việc ổn định và tinh thần gắn bó với Công ty cũng được nâng cao. Đây là nền tảng để Công ty thu hút nguồn lao động có chất lượng và giữ chân hiền tài.

## Tiêu thụ nước

Nhu cầu về nước của Công ty được sử dụng chủ yếu cho sinh hoạt tại văn phòng và vệ sinh công cụ, phương tiện sản xuất. Trước tình hình trong các năm gần đây khi các tỉnh Đồng Bằng sông Cửu Long chịu ảnh hưởng không nhỏ từ hạn hán, tình trạng xâm nhập mặn ngày càng diễn biến phức tạp, tạo nên áp lực nặng nề đến việc cung cấp nước sạch của các Công ty cấp nước. Ý thức được điều này, Công ty luôn chú tâm đến công tác tiết kiệm trong việc sử dụng nguồn nước sinh hoạt, tránh lãng phí nguồn nước.





## BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh điện, vì vậy đối với tất cả các dự án Công ty đảm nhận công tác tư vấn đầu tư, DTV đều tiến hành tìm hiểu kỹ lưỡng về điều kiện môi trường tự nhiên, kinh tế - xã hội xung quanh khu vực công tác; đồng thời thực hiện thu thập ý kiến từ cộng đồng, địa phương để đánh giá và dự báo chính xác các tác động mà dự án có thể gây hại đến môi trường. Từ đó Công ty có thể kịp thời đưa ra các biện pháp phòng ngừa ứng phó rủi ro, sự cố, giảm thiểu tác động tiêu cực tới đời sống sinh hoạt của người dân địa phương.

Bên cạnh đó, Công ty cũng tích cực tham gia các phong trào tình nguyện và các chương trình từ thiện tại địa phương nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng dân cư tại địa phương. Ngoài ra, Công ty cũng chung tay với cả nước trong các hoạt động hỗ trợ đồng bào vùng bão lũ, thiên tai, đặc biệt là những hộ gia đình gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch Covid-19.



# 03

## BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 1 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 2 Tình hình tài chính
- 3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 4 Kế hoạch phát triển trong tương lai
- 5 Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán



# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

## PHÂN TÍCH TỔNG QUAN VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### Thuận lợi

Công ty được sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND Tỉnh, các Sở, Ban ngành các cấp chính quyền địa phương hỗ trợ tạo điều kiện để đơn vị đầu tư phát triển mở rộng lưới điện.

Công ty có 07 chi nhánh điện nông thôn với cơ sở vật chất khang trang trải rộng trên địa bàn 07 huyện giúp vận hành lưới điện hiệu quả và xử lý kịp thời khi các sự cố điện xảy ra.

Cổ đông lớn nhất của Công ty là Công ty TNHH Năng lượng REE – công ty con của Công ty Cổ phần Cơ điện lạnh (REE), một trong những doanh nghiệp lớn và có uy tín trên thị trường. Do đó, Công ty luôn nhận được sự hỗ trợ và giúp đỡ của REE trong việc đầu tư mua sắm thiết bị và các hoạt động khác, tạo điều kiện cho quá trình kinh doanh Công ty hiệu quả và thuận lợi hơn.

Ban lãnh đạo Công ty cũng đã tích cực giám sát hoạt động kinh doanh và kịp thời đưa ra những chính sách, chiến lược kinh doanh linh hoạt và phù hợp với tình hình hiện tại, đảm bảo cho sự phát triển ổn định của Công ty.

Đối với đội ngũ nhân sự, tập thể cán bộ nhân viên Công ty luôn đoàn kết, gắn bó và phối hợp chặt chẽ với nhau, cùng hoàn thành nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, toàn thể người lao động trong Công ty cũng không ngừng phấn đấu nâng cao tay nghề, đồng thời đóng góp sáng kiến nhằm nâng cao hiệu suất lao động.

### Khó khăn

Năm 2021, do dịch Covid-19 vẫn còn diễn biến phức tạp nên tình hình kinh tế trong nước gặp phải nhiều khó khăn, từ đó gây ảnh hưởng tiêu cực cho các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của các hộ các gia đình trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, từ đó dẫn đến làm giảm sản lượng tiêu thụ điện năng.

Tình trạng biến đổi khí hậu diễn ra thất thường, xâm nhập mặn ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long đã tác động không nhỏ đến tình hình sản xuất nông nghiệp của nhiều hộ dân trên địa bàn trong tỉnh làm giảm nhu cầu phụ tải điện và gây ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu của Công ty.

Địa bàn quản lý kinh doanh vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc có sản lượng tiêu thụ điện thấp, giao thông đi lại khó khăn làm ảnh hưởng đến công tác ghi thu tiền điện và quản lý lưới điện.



## NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

Công ty đã không ngừng cải thiện và xây dựng các chính sách đào tạo đội ngũ nhân viên có trình độ chuyên môn cao, có khả năng giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc; đồng thời các quy định về an toàn sửa chữa và sử dụng điện tại Công ty luôn được thực hiện nghiêm chỉnh. Bên cạnh đó, Công ty cũng trang bị, kiểm tra và tổ chức đầy đủ các buổi tập huấn cho cán bộ công nhân viên trong Công ty cũng như khách hàng sử dụng dịch vụ của Công ty.

Đối với công tác mở rộng mạng lưới khách hàng, Công ty tích cực đưa ra các chương trình chăm sóc khách hàng cũ, phát triển các khách hàng tiềm năng và mở rộng phân phối điện đến các vùng lân cận, đồng thời nhanh chóng giải quyết và xử lý các vấn đề của khách hàng phản hồi khi sử dụng dịch vụ lắp đặt điện của Công ty.

Thêm vào đó, bộ máy quản lý Công ty cũng được tinh gọn, lực lượng lao động được sắp xếp phù hợp với nhu cầu công việc của từng bộ phận, từng phòng ban.

Ngoài ra, Công ty luôn cố gắng giải quyết kịp thời, nhanh chóng và đầy đủ các chế độ, chính sách cho người lao động theo quy định của Nhà nước.







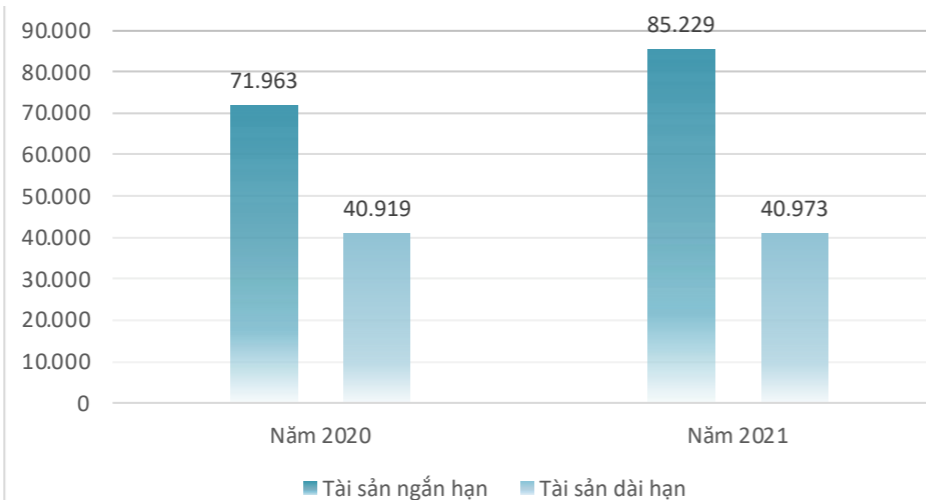
# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## TÌNH HÌNH TÀI SẢN

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020		31/12/2021		TH 2021/ TH 2020
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	71.963	63,75%	85.229	67,53%	118,43%
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.917	8,22%	11.411	13,39%	192,85%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	14.116	19,61%	4.370	5,13%	30,96%
Các khoản phải thu ngắn hạn	44.226	61,46%	55.334	64,92%	125,12%
Hàng tồn kho	7.276	10,11%	13.679	16,05%	187,99%
Tài sản ngắn hạn khác	429	0,60%	436	0,51%	101,56%
Tài sản dài hạn	40.919	36,25%	40.973	32,47%	100,13%
Phải thu dài hạn	25	0,06%	0	0%	0%
Tài sản cố định	32.148	78,56%	33.745	82,36%	104,97%
Tài sản dài hạn khác	8.746	21,37%	7.228	17,64%	82,65%
Tổng tài sản	112.882	100%	126.202	100%	111,80%

Tính đến thời điểm cuối năm 2021, tổng tài sản của Công ty được ghi nhận là 126 tỷ đồng, tăng 12 tỷ đồng so với năm 2020. Trong đó, tài sản ngắn hạn và dài hạn lần lượt chiếm 67,53% và 32,47% tổng tài sản. Năm vừa qua, tài sản lưu động có mức tăng trưởng khá mạnh là 11,8%, đồng thời tài sản dài hạn hầu như không thay đổi nhiều so với năm trước. Cơ cấu của từng nhóm tài sản cụ thể như sau:



## Tài sản ngắn hạn

Các khoản phải thu ngắn hạn, hàng tồn kho, tiền và các khoản tương đương tiền là các khoản mục chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu tài sản ngắn hạn.

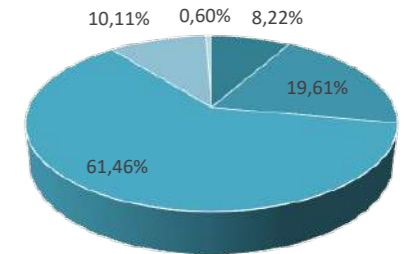
Tại thời điểm cuối năm, khoản phải thu của Công ty đạt 55 tỷ đồng, tăng 25,12% so với năm 2020 chủ yếu đến từ phải thu khách hàng và các bên liên quan như Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh REE, Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA... Đồng thời, trong năm Công ty cũng thực hiện tạm ứng gần 5 tỷ cho dự án kinh doanh sắp tới.

Tiền và các khoản tương đương tiền đạt hơn 11 tỷ đồng, hàng tồn kho đạt 14 tỷ đồng. Hai khoản mục này có sự gia tăng đáng kể, với mức tăng lần lượt là 92,85% và 87,99% với năm 2020. Nguyên nhân là do:

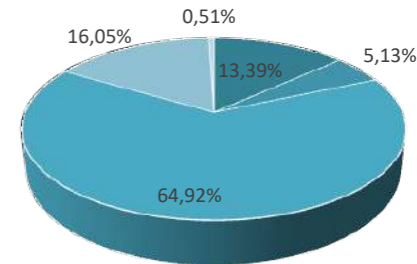
+ Trong bối cảnh dịch Covid-19 bùng phát mạnh và tình hình kinh tế diễn biến khó lường, Công ty đã đẩy mạnh việc nắm giữ các tài sản có tính thanh khoản cao để có thể chủ động trong các kế hoạch, chiến lược sản xuất kinh doanh;

+ Công ty đã chủ động tích trữ các nguồn nguyên vật liệu nhằm đề phòng sự biến động của chi phí đầu vào trong bối cảnh chuỗi cung ứng bị đứt gãy trong năm qua. Sự tăng trưởng mạnh trong nhiều khoản mục giúp cho tài sản ngắn hạn của Công ty trong năm 2021 đạt 85 tỷ đồng, tương đương với mức tăng 18,43% so với năm 2020.

### Năm 2020



### Năm 2021

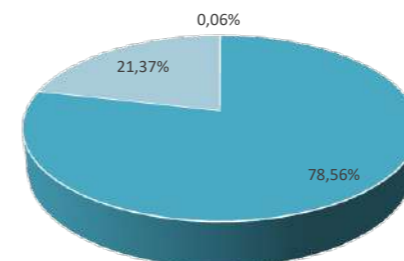


- Tiền
- Các khoản phải thu ngắn hạn
- Tài sản ngắn hạn khác
- Đầu tư tài chính ngắn hạn
- Hàng tồn kho

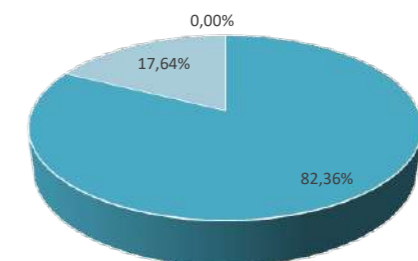
## Tài sản dài hạn

Tại thời điểm cuối năm 2021, tài sản cố định chiếm tỷ trọng lớn nhất, chiếm 82,36% tổng tài sản dài hạn của Công ty và tăng 4,97% so với cuối năm 2020. Nguyên nhân chủ yếu của sự gia tăng này là do DTV đã thực hiện đầu tư, mua sắm các phương tiện vận tải, truyền dẫn với giá trị khoảng 6,5 tỷ đồng nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, chi phí trả trước dài hạn giảm nhẹ nhưng không tác động nhiều đến cơ cấu tài sản dài hạn của DTV. Điều này khiến tài sản dài hạn của Công ty tại thời điểm cuối năm 2021 đạt 41 tỷ đồng, tương đương với mức tăng nhẹ khoảng 0,13% so với năm 2020.

### Năm 2020



### Năm 2021



- Phải thu dài hạn
- Tài sản cố định
- Tài sản dài hạn khác



## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31/12/2021

ĐVT: triệu đồng

Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	5.081	2.014	39,65%
Máy móc, thiết bị	106	0	0%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	100.543	31.730	31,56%
Thiết bị văn phòng	182	0	0%
<b>Cộng</b>	<b>105.912</b>	<b>33.745</b>	<b>31,86%</b>

## TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020		31/12/2021		TH 2021/ TH 2020
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	8.822	100,00%	13.560	100,00%	153,70%
Phải trả người bán ngắn hạn	-	-	11	0,08%	-
Thuế và các khoản phải trả nhà nước	703	7,97%	1.273	9,39%	181,02%
Phải trả người lao động	6.910	78,33%	10.720	79,06%	155,13%
Chi phí phải trả ngắn hạn	54	0,61%	112	0,82%	206,10%
Phải trả ngắn hạn khác	775	8,78%	833	6,15%	107,59%
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	380	4,31%	611	4,50%	160,76%
Nợ dài hạn	-	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>8.822</b>	<b>100%</b>	<b>13.560</b>	<b>100%</b>	<b>153,70%</b>

Nợ phải trả đạt gần 14 tỷ đồng, tăng 53,70% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, tổng cơ cấu nợ của Công ty hoàn toàn là nợ ngắn hạn. Sự gia tăng trong nợ ngắn hạn chủ yếu đến từ các khoản phải trả người lao động và thuế phải nộp Nhà nước. Trong nhiều năm qua, Công ty vẫn duy trì chính sách không sử dụng nợ vay tài chính, điều này cho thấy Công ty luôn hướng đến mục tiêu duy trì cấu trúc vốn an toàn trong tình hình kinh tế khó khăn nhằm hạn chế rủi ro tài chính về lâu dài và đảm bảo khả năng đối phó kịp thời với những thay đổi của thị trường.



## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Công ty tiến hành xây dựng và củng cố bộ máy tổ chức, sắp xếp nhân sự lãnh đạo chủ chốt và người lao động ở các đơn vị để đảm bảo hoạt động hiệu quả; đồng thời rà soát việc sử dụng lao động, bố trí lao động hợp lý, tiết kiệm chi phí, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

Quyền lợi, trách nhiệm của các đơn vị luôn được phân rõ ràng và cụ thể nhằm minh bạch hóa trong hoạt động và đóng góp của các đơn vị, phòng ban vào thành quả của công ty và tạo điều kiện cho hoạt động kinh doanh linh hoạt và hiệu quả hơn.

Ngoài ra, Công ty cũng có những phần thưởng nhằm khích lệ những cá nhân có thành tích xuất sắc trong công việc, sáng kiến nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và đem lại lợi nhuận tối đa cho Công ty. Công ty cũng thường xuyên quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của người lao động, đảm bảo môi trường làm việc lành mạnh, an toàn và là nơi để người lao động gắn bó lâu dài và phát triển bản thân.





## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2021	KH năm 2022	Chênh lệch KH 2022 so với TH 2021 (%)
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	557,11	596,50	+7,07
2	Sản lượng điện mua vào	Triệu kWh	308,50	331,78	+7,54
3	Sản lượng điện thương phẩm	Triệu kWh	293,85	316,85	+7,82
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	32,17	34,80	+8,19
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	25,68	27,84	+8,43
5	Tỷ lệ cổ tức	% /năm	30	20	-33,34
6	Hao hụt	%	4,75	4,50	-5,26
7	Phát triển khách hàng	Hộ	3.148	3.000	-4,70
8	Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật	Tỷ đồng	13,02	23,93	+83,72



**Kế hoạch đầu tư:** Dự kiến trong năm 2022, Công ty triển khai đầu tư các dự án, cụ thể:

TT	TÊN HẠNG MỤC	Số lượng công trình	Chiều dài (km)	Dung lượng lắp mới TBA (KVA)	Phát triển khách hàng mới	Tổng kinh phí (tỷ đồng)
1	Cải tạo lưới hạ áp	45	32,74	-	-	1,87
2	Xây dựng mới lưới hạ áp	23	6,73	-	-	0,55
3	Xây dựng mới lưới trung áp + TBA	47	0,69	3.950	-	3,17
4	Nâng công suất trạm biến áp	14	-	1.000	-	1,35
5	Di dời TBA	3	-	175	-	0,04
6	Kiểm định điện kế, TBA: 82 trạm	-	-	-	-	0,27
7	Kiểm định ĐK:35.817	-	-	-	-	1,39
8	Đầu tư hệ thống đo đếm điện kế cả các thiết bị, phụ kiện kèm theo	-	-	-	3.000	1,91
9	Chi phí sửa chữa nhỏ	-	-	-	-	2,08
10	Lắp đặt Hệ thống ĐNLMTAM	IMWp	-	-	-	10,00
11	Đầu tư điện kế điện tử	1.300	-	-	-	1,30
<b>Tổng cộng</b>		<b>132</b>	<b>40,16</b>	<b>5.125</b>	<b>3.000</b>	<b>23,93</b>



# 04

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1 Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- 2 Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
- 3 Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2021, Công ty phải đối mặt với nhiều khó khăn và thử thách. Đặc biệt là tác động tiêu cực từ làn sóng Covid-19 lần thứ 4 làm cho nhu cầu tiêu thụ điện năng tiếp tục tăng trưởng thấp. Trước tình hình đó, cả nước cùng chung tay phòng chống dịch và hỗ trợ cho người dân vượt qua khó khăn, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 97/NQ-CP ngày 28/8/2021 thống nhất phương án hỗ trợ giảm tiền điện, giảm giá điện cho các khách hàng sử dụng điện bị ảnh hưởng của dịch Covid-19 như đề xuất của Bộ Công Thương, từ đó làm ảnh hưởng đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty. Trước bối cảnh này, Hội đồng quản trị thực hiện một cách cẩn trọng, nghiêm túc trong công tác quản trị, đưa ra giải pháp kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế cùng với chiến lược nhân sự theo đúng phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT quy định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, đồng thời phối hợp với Ban Điều hành thực hiện hoàn thành kế hoạch mà nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (nhiệm kỳ 2021- 2025) đề ra.

Ban lãnh đạo Công ty cùng toàn thể cán bộ công nhân viên đã nỗ lực hết mình để vận hành doanh nghiệp an toàn và hiệu quả, cụ thể: Công ty đảm thường xuyên rà soát, bảo trì mạng lưới, đảm bảo chất lượng dịch vụ và an toàn điện cho khách hàng; đầu tư mua sắm thiết

bị phục vụ cho hoạt động lắp đặt đường điện; đào tạo nguồn nhân lực có trình độ, chuyên môn cao; chú trọng công tác khảo sát và tiếp thu ý kiến đóng góp của khách hàng nhằm nâng cao vị thế DTV trong ngành tại địa bàn tỉnh nhà, tạo ra nguồn doanh thu tăng trưởng bền vững trong những năm tiếp theo; đồng thời xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý Công ty có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc được giao, có năng lực, đạo đức nghề nghiệp và đoàn kết nội bộ.

Bên cạnh đó, DTV ngoài việc là doanh nghiệp cung cấp điện sinh hoạt phục vụ cho dân cư trên địa bàn 07 huyện và thị xã Duyên Hải, Công ty còn chú tâm đến các công tác liên quan đến cộng đồng, xã hội. Chương trình xây dựng nông thôn mới trong những năm qua mang lại nhiều tác động tích cực, trong đó có tiêu chí điện sinh hoạt, góp phần nâng cao đời sống nhân dân khu vực nông thôn nuôi trồng thủy sản và dịch vụ công nghiệp giúp đẩy mạnh phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực nông thôn. Hệ thống cơ sở hạ tầng điện được DTV đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các đường dây trung, hạ áp hiện hữu và các tuyến đường giao thông hương lộ, tỉnh lộ và cụm dân cư ... giúp người nông dân phát triển sản xuất, kinh doanh cải thiện đời sống.

## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm 2021 là một năm đầy biến động cùng với những khó khăn và thách thức do dịch Covid-19 gây ra. Ban Tổng Giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc thực hiện các nhiệm vụ và chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua, trong quá trình điều hành luôn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, vượt qua khó khăn để phát triển, cụ thể:

- ✓ Ban lãnh đạo Công ty làm đúng theo quy định của pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết của HĐQT, tiếp thu và triển khai các giải pháp cần thiết trong công tác quản trị công ty theo chỉ đạo của HĐQT và các đề xuất của Ban kiểm soát; tổ chức điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách cẩn trọng có hiệu quả, mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty.
- ✓ Thường xuyên báo cáo HĐQT về tình hình sản xuất kinh doanh cũng như các hoạt động khác của Công ty để HĐQT có ý kiến chỉ đạo kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ✓ Tổ chức triển khai thực hiện đúng các chính sách, chế độ đối với người lao động trong Công ty, nộp ngân sách Nhà nước đúng quy định.



## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HDQT cùng Ban Tổng Giám đốc phối hợp đồng bộ để xây dựng chương trình kế hoạch, định hướng phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mà Đại hội đồng cổ đông đề ra, đồng thời chỉ đạo các phòng ban bám vào Nghị quyết của Đại hội và kế hoạch Ban Tổng Giám đốc theo chức năng nhiệm vụ của từng đơn vị mà đề ra kế hoạch thực hiện đạt hiệu quả cao nhất. Một số giải pháp được đề ra là:



Đẩy mạnh công tác mở rộng khách hàng để hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh Đại hội đồng cổ đông đề ra, góp phần vào công cuộc xây dựng nông thôn mới trên toàn tỉnh Trà Vinh; Xây dựng quy trình chăm sóc khách hàng, hỗ trợ thông tin cho khách hàng về an toàn điện, tiết kiệm điện.



Tiếp tục đầu tư đường dây trung, hạ áp, trạm biến áp cho khách hàng trên địa bàn chưa có điện; tăng cường cải tạo sửa chữa kịp thời lưới điện cũ xuống cấp không đảm bảo an toàn, nâng cấp đường dây vượt lộ các quốc lộ 53, 54, 60 và các tỉnh lộ không đủ độ cao; kiểm tra các trạm biến áp có tỷ lệ tổn thất cao.



Nhằm tăng cường hiệu quả quản trị, Công ty đang từng bước thực hiện tái cấu trúc hệ thống quản trị và vận hành của Công ty theo hướng tinh gọn, tập trung và hiệu quả; đồng thời ứng dụng hệ thống thông tin quản lý vào hoạt động sản xuất kinh doanh.



Xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao năng lực, kỹ năng giải quyết vấn đề nhằm đảm bảo an toàn và hiệu quả trong việc vận hành, sửa chữa và cung cấp điện ổn định cho khách hàng.



Ban an toàn lao động kết hợp Sở công thương tuyên truyền về an toàn điện để khách hàng hiểu biết, tránh những sự cố điện giết chết người xảy ra; thường xuyên phát hoang cây xanh trong mùa mưa tránh ngã đổ, chạm chập, gây sự cố mất điện, tai nạn điện.



Tăng cường tham gia các hoạt động hướng đến bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên; đặc biệt là tài nguyên điện, nước, nâng cao nhận thức của người dân về biến đổi khí hậu.



# 05

## QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 1 Hội đồng quản trị
- 2 Ban Kiểm soát
- 3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát





## THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HĐQT

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Lê Thị Khê	Chủ tịch HĐQT	59.900	1,13%
2	Lý Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT	3.800	0,07%
3	Nguyễn Phong Danh	Thành viên HĐQT	0	0%
4	Lương Thu Hằng	Thành viên HĐQT	0	0%

## Lý lịch HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Bà LÊ THỊ KHÊ**  
Chủ tịch HĐQT

**Năm sinh:** 1967

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ văn hóa:** 12/12

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế

**Quá trình công tác:**

Từ 01/1995 đến 01/1999	Kế toán tổng hợp chương trình nước sinh hoạt nông thôn tỉnh Trà Vinh
Từ 01/1999 đến 01/2006	Kế toán tổng hợp Công ty Phát Triển Điện Nông Thôn Tỉnh Trà Vinh
Từ 01/2006 đến 03/2009	Kế toán trưởng Công ty CP Phát Triển Điện Nông Thôn Tỉnh Trà Vinh
Từ 03/2009 đến 05/2010	Phó Giám Đốc Công ty CP Phát Triển Điện Nông Thôn Tỉnh Trà Vinh
Từ 05/2010 đến 01/2012	Giám Đốc Công ty CP Phát Triển Điện Nông Thôn Tỉnh Trà Vinh
Từ 01/2012 đến 06/2013	Tổng Giám Đốc Công ty CP Phát Triển Điện Nông Thôn Tỉnh Trà Vinh
Từ 06/2013 đến 06/2016	Chủ Tịch HĐQT - Tổng Giám Đốc Công ty CP Phát Triển Điện Nông Thôn Tỉnh Trà Vinh
Từ 06/2016 đến 07/2017	Tổng Giám Đốc Công ty CP Phát Triển Điện Nông Thôn Tỉnh Trà Vinh
Từ 07/2017 đến nay	Chủ Tịch HĐQT Công ty CP Phát Triển Điện Nông Thôn Tỉnh Trà Vinh

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 59.900 cổ phần; chiếm tỷ lệ 1,13 % vốn điều lệ

**Ông NGUYỄN PHONG DANH**

Thành viên HĐQT

**Năm sinh:** 1995

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ văn hóa:** 12/12

**Trình độ chuyên môn:** Kinh tế Đối ngoại

**Quá trình công tác:**

Từ 06/2017 đến 06/2019	Chuyên viên Phân tích đầu tư CTCP Chứng khoán KIS
Từ 07/2019 đến nay	Chuyên viên Phân tích đầu tư CTCP Cơ Điện Lạnh
Từ 09/2019 đến nay	Ban QL dự án Nhà máy điện gió số 3 tại vị trí v1-3 Trà Vinh

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Không

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** Không

**Bà LƯƠNG THU HẰNG**

Thành viên HĐQT

**Năm sinh:** 1971

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ văn hóa:** 12/12

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân – Chuyên ngành Kế toán tài chính

**Quá trình công tác:**

Từ 1996 đến 1999	Kế toán tổng hợp Công ty Vận tải và Cung ứng xăng dầu đường biển - CN TP. HCM
Từ 2000 đến 7/2007	Kế toán trưởng Công ty TNHH DV TM Hải Chính
Từ 8/2007 đến nay	Kế toán kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDirect – CN TP. HCM
Từ 06/2013 đến nay	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần cơ khí ngành in

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí Ngành in

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** Không

**Ông LÝ NGỌC TUẤN**

Thành viên HĐQT

(đã trình bày tại phần II, mục Tổ chức và nhân sự)





## Thay đổi nhân sự Hội đồng quản trị trong năm 2021

Miễn nhiệm chức vụ Thành viên Hội đồng quản trị đối với Ông Hồ Bảo Hùng

## Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hiện tại, Công ty chưa thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT

## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm

Trong năm qua, HĐQT đã thực hiện một cách cẩn trọng, nghiêm túc công tác quản trị doanh nghiệp, đầu tư xây dựng lưới điện, phát triển khách hàng, chiến lược nhân sự theo đúng phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của HĐQT dựa theo quy chế Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. HĐQT hoạt động tích cực trên tinh thần trách nhiệm của từng thành viên, nâng cao vai trò tham mưu của các cấp lãnh đạo và các đơn vị trực thuộc.

Với tinh thần trách nhiệm cao trước các cổ đông và sự phát triển của Công ty, HĐQT Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật trong việc giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, cũng như các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT.

Việc kiểm tra, giám sát của HĐQT đều đúng thẩm quyền, không gây cản trở, chông chéo đến việc điều hành của Tổng Giám đốc và các cấp điều hành.

HĐQT duy trì họp định kỳ mỗi quý một lần theo quy định của Luật Chứng Khoán để xem xét quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với sự tham gia của Ban Tổng giám đốc và Ban Kiểm soát; đảm bảo công bố thông tin một cách công bằng, minh bạch, đảm bảo lợi ích cao nhất cho cổ đông và cho Công ty trên phương diện pháp luật hiện hành. Từ đó, HĐQT nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động và có những chỉ đạo sớm giúp đảm bảo kế hoạch kinh doanh đạt hiệu quả cao, hạn chế các sai sót, rủi ro.

### Các cuộc họp Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Lê Thị Khê	Chủ tịch HĐQT	3/3	100%
2	Lý Ngọc Tuấn	Thành viên HĐQT	3/3	100%
3	Nguyễn Phong Danh	Thành viên HĐQT	3/3	100%
4	Lương Thu Hằng	Thành viên HĐQT	3/3	100%

### Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Hình thức
1	Số 01/NQ-HĐQT	13/01/2021	Nghị quyết về việc phê chuẩn quyết toán quỹ lương năm 2020 và trích lương tháng 13 năm 2020.	HĐQT ban hành
2	Số 02/NQ-HĐQT	20/01/2021	Nghị quyết về việc phê chuẩn Công văn số 02/DTV-HĐQT, ngày 18/01/2021 của Chủ tịch HĐQT về việc chốt danh sách cổ đông DTV để tạm ứng cổ tức và tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.	Xin ý kiến HĐQT bằng văn bản
3	Số 03/NQ-HĐQT	05/03/2021	Nghị quyết về việc Tổ chức Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ (2021-2025).	Xin ý kiến HĐQT bằng văn bản
4	Số 04/NQ-HĐQT	10/03/2021	Nghị quyết phiên họp thứ I của Hội đồng Quản trị: - Phê chuẩn tài liệu tổ chức Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ (2021-2025). - Phê chuẩn báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021. - Phê chuẩn Tờ trình về việc phê duyệt quỹ lương năm 2021. - Phê chuẩn kế hoạch mua sắm vật tư năm 2021. - Phê chuẩn các nội dung khác thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị.	Họp trực tiếp tại DTV
5	Số 05/NQ-HĐQT	26/03/2021	Nghị quyết về việc phê chuẩn Tờ trình số:81/TTr-DTV, ngày 19/3/2021 của Tổng Giám đốc Công ty về việc phê duyệt kế hoạch vệ sinh an toàn lao động năm 2021.	Xin ý kiến HĐQT bằng văn bản
6	Số 06/NQ-ĐHĐCĐ	29/3/2021	Nghị quyết ĐHĐCĐ nhiệm kỳ 2021-2025	Họp trực tiếp tại DTV
7	Số 07/NQ-HĐQT	31/3/2021	Nghị quyết về ngày đăng ký cuối cùng trả cổ tức đợt 2 năm 2020 bằng tiền.	Xin ý kiến HĐQT bằng văn bản
8	Số 08/NQ-HĐQT	08/4/2021	Nghị quyết về việc phê chuẩn kết quả xét thầu và xử lý tình huống đấu thầu mua sắm vật tư thiết bị năm 2021 của Công ty cổ phần phát triển Điện Trà Vinh.	Xin ý kiến HĐQT bằng văn bản
9	Số 09/NQ-HĐQT	20/09/2021	Nghị quyết về việc phê chuẩn Tờ trình số 485/TTr-DTV ngày 20/09/2021 của Tổng Giám đốc Công ty về việc đơn xin nghỉ việc của bà Huỳnh Thanh Đào - phó phòng Tổ chức Hành chính.	Xin ý kiến HĐQT bằng văn bản
10	Số 10/NQ-HĐQT	01/10/2021	Nghị quyết về việc thông qua đơn xin từ nhiệm Thành viên Hội đồng Quản trị của Ông Hồ Bảo Hùng.	Xin ý kiến HĐQT bằng văn bản



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Hình thức
11	Số 11/NQ-HĐQT	27/10/2021	Nghị quyết về việc phê chuẩn Tờ trình số 543/TTr-DTV về việc chấp thuận đơn nghỉ việc của Ông Cao Văn Kiểm.	Họp trực tiếp tại DTV
12	Số 12/NQ-HĐQT	26/11/2021	Nghị quyết phiên họp thứ II của Hội đồng Quản trị: - Phê chuẩn báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 10 tháng đầu năm và kế hoạch 2 tháng cuối năm 2021. - Phê chuẩn kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 của DTV. - Phê chuẩn phương án ghi chỉ số điện bằng thiết bị di động thông minh.	HĐQT ban hành
13	Số 01/QĐ-HĐQT	29/3/2021	Quyết định về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.	HĐQT ban hành
14	Số 02/QĐ-HĐQT	29/3/2021	Quyết định về việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.	HĐQT ban hành
15	Số 03/QĐ-HĐQT	30/3/2021	Quyết định về việc Ban hành hệ thống thang bảng lương Quy chế trả lương và khen thưởng bằng tiền.	HĐQT ban hành

### Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Không có

### Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

Không có





# BAN KIỂM SOÁT

## THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Tính tại ngày 31/12/2021

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Quách Vĩnh Bình	Trưởng Ban kiểm soát
2	Nguyễn Hồng Huệ	Thành viên Ban kiểm soát

## Lý lịch BAN KIỂM SOÁT

**Ông QUÁCH VĨNH BÌNH**  
Trưởng Ban kiểm soát

**Năm sinh:** 1972

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ văn hóa:** 12/12

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân Kinh tế

**Quá trình công tác:**

Từ 1994 đến 2000	Kiểm toán viên chính bậc III tại Công ty Kiểm toán Quốc tế Ernst & Young
Từ 2000 đến 2003	Kế toán trưởng tại Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh REE
Từ 2003 đến 2005	Phó Giám đốc Công ty TNHH Dịch vụ và Kỹ thuật Cơ Điện Lạnh REE
Từ 2005 đến 2007	Giám đốc điều hành Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh
Từ 2007 đến 2017	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh
Từ 02/2018 đến nay	Trưởng Ban kiểm soát nội bộ và Quản lý rủi ro của Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh (REE)

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:**

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Phong điện Thuận Bình
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Quảng Ninh
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình
- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng – Indico
- Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn – Sông Hinh

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 0 cổ phần

**BÀ NGUYỄN HỒNG HUỆ**

Thành viên  
Ban kiểm soát

**Năm sinh:** 1980

**Quốc tịch:** Việt Nam

**Trình độ văn hóa:** 12/12

**Trình độ chuyên môn:** Cử nhân chuyên ngành Kế toán

**Quá trình công tác:**

Từ 2003 đến 2005	Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần dược phẩm và thiết bị y tế HB
Từ 2006 đến 2007	Kế toán nguồn vốn Công ty TNHH Nhôm Đô Thành
Từ 2007 đến 2009	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần kỹ thuật và thương mại Ngọc Linh
Từ 2010 đến nay	Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần năng lượng Bắc Hà

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần năng lượng Bắc Hà

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 0 cổ phần

**Thay đổi nhân sự Ban kiểm soát trong năm 2021:** Không có

## HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2021, Ban Kiểm soát đã lập kế hoạch giám sát, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên theo quyền hạn đã được quy định trong Luật và Điều lệ Công ty. Theo đó, các hoạt động giám sát được thực hiện cụ thể như sau:

- ✓ Đảm bảo HĐQT và Ban Điều hành thực thi đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo Điều lệ Công ty cũng như các mục tiêu đã được đề ra trong cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
- ✓ Giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện kế hoạch và kết quả kinh doanh trong năm 2021.
- ✓ Giám sát các văn bản báo cáo, tài liệu về biên bản ĐHĐCĐ, nghị quyết, Quyết định cũng như Quy chế nội bộ về quản trị công ty
- ✓ Giám sát Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán năm 2021 và số liệu Ban Điều hành trình bày tại các cuộc họp HĐQT;
- ✓ Cập nhật xem xét tiến độ thi công công trình, triển khai các dự án trong giai đoạn thi công lắp đặt đường dây và trạm biến áp;

HĐQT, Ban Điều hành và các cấp lãnh đạo luôn phối hợp cùng nhau thực hiện tốt, công tác quản trị Công ty theo hướng minh bạch và chuyên nghiệp hơn. HĐQT chủ động tổ chức các cuộc họp với Ban Tổng Giám đốc, các Trưởng phòng chức năng của Công ty để nắm bắt tình hình hoạt động tổ chức và kinh doanh, đồng thời có những ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại các buổi họp. BKS ghi nhận nỗ lực của HĐQT và Ban Điều hành cùng các cấp lãnh đạo đã luôn theo dõi sát sao, kịp thời xu hướng kinh tế để có những hành động nhanh chóng giúp phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như đảm bảo lợi ích chung cho nhà đầu tư.



## BAN KIỂM SOÁT

### Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các phòng ban nghiệp vụ trong Công ty, luôn hỗ trợ, quan tâm và tạo điều kiện thuận lợi để Ban Kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ do ĐHĐCĐ tin tưởng giao phó. BKS không nhận được bất cứ khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như về công tác quản trị, điều hành từ HĐQT và Ban Tổng Giám đốc. Nhìn chung, BKS đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật trong việc giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc về quy trình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, cũng như các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT.

#### Các cuộc họp Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Quách Vĩnh Bình	Trưởng Ban kiểm soát	1/1	100%
2	Nguyễn Hồng Huệ	Thành viên Ban kiểm soát	1/1	100%



## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

### Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2021 là 2.300.766.230 đồng. (Chi tiết xem tại phần thuyết minh Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021).

### Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Không có

### Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Không có

### ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh (DTV) rất chú trọng đến quản trị công ty và xem đây một nhân tố cốt lõi để đẩy mạnh kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như tăng cường lòng tin của nhà đầu tư và đảm bảo cho Công ty phát triển bền vững trong dài hạn. Trong đó, hệ thống quản trị công ty cần được xây dựng dựa trên khuôn khổ pháp lý, cơ chế quản lý doanh nghiệp, và tính minh bạch trong hoạt động. Để đạt được mục tiêu đề ra trong nguyên tắc quản trị công ty, DTV đã ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty năm 2021 được công bố trên cổng thông tin điện tử của UBCKNN và Sở GDCK Hà Nội, đảm bảo nhất quán các chính sách và giúp đáp ứng được sự mong đợi của cổ đông và các bên liên quan.

Năm 2021, mục tiêu của DTV hướng tới việc phát triển năng lực quản trị công ty cũng như giá trị nội tại của doanh nghiệp, hoàn thiện và nâng cao hoạt động của các bộ phận trong cơ cấu nội bộ để đảm bảo lợi ích chung cho cổ đông thực hiện các quyền của mình như: quyền nhận cổ tức, quyền tiếp cận thông tin của Công ty, hay quyền được tham dự, biểu quyết tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Những hoạt động nêu trên sẽ có ý nghĩa quyết định trong việc hỗ trợ phát triển văn hóa và đạo đức nghề nghiệp, là nền tảng cho Công ty hoạt động hiệu quả trong hiện tại và trong tương lai sắp tới.

Bên cạnh đó, Ban lãnh đạo DTV luôn quan tâm đến công tác đào tạo nguồn nhân lực và quản trị doanh nghiệp. Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng cùng các cấp lãnh đạo trực thuộc các phòng ban được khuyến khích tham gia các chương trình đào tạo ngắn hạn các ngành liên quan trong năm 2021 để cập nhật kiến thức, nâng cao chuyên môn và các kỹ năng khác. Đây sẽ là nền tảng vững chắc để nâng cao năng lực quản trị của Công ty.

Tuy nhiên, cơ cấu Ban kiểm soát của DTV trong năm qua vẫn chưa đảm bảo đủ số lượng thành viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Do đó, Công ty sẽ có kế hoạch bổ nhiệm thêm thành viên Ban kiểm soát trong thời gian tới để tuân thủ Luật Doanh nghiệp và các quy định có liên quan áp dụng cho các công ty đại chúng.

# 06

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 1 Ý kiến kiểm toán
- 2 Báo cáo tài chính được kiểm toán



Số tham chiếu: 61296701/22633348

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh ("Công ty") được lập ngày 28 tháng 2 năm 2022 và được trình bày từ trang 5 đến trang 27, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Dương Lê Anthony  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 2223-2018-004-1



Đinh Anh Thư  
Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán  
Số: 4635-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 28 tháng 2 năm 2022

BẢNG CÂN ĐÒI KẾ TOÁN  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021


VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>85.229.019.283</b>	<b>71.963.182.739</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>11.410.644.388</b>	<b>5.916.814.553</b>
111	1. Tiền		11.410.644.388	5.916.814.553
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>4.370.480.948</b>	<b>14.115.514.742</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	62.484	5.000.062.484
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	4.370.418.464	9.115.452.258
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>55.333.575.643</b>	<b>44.225.627.687</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	49.579.039.314	34.639.605.431
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		57.867.900	20.000.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	5.758.464.207	9.566.022.256
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(61.795.778)	-
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>13.678.769.336</b>	<b>7.276.351.268</b>
141	1. Hàng tồn kho		14.059.590.014	7.276.351.268
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(380.820.678)	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>435.548.968</b>	<b>428.874.489</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	421.686.840	428.874.489
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	11	13.862.128	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>40.973.320.736</b>	<b>40.918.796.949</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		-	<b>25.366.596</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6	-	25.366.596
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>33.744.831.848</b>	<b>32.147.563.675</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	33.744.831.848	32.147.563.675
222	Nguyên giá		105.912.151.294	99.408.513.926
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(72.167.319.446)	(67.260.950.251)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	-
228	Nguyên giá		40.000.000	40.000.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(40.000.000)	(40.000.000)
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>7.228.488.888</b>	<b>8.745.866.678</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	7.228.488.888	8.745.866.678
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>126.202.340.019</b>	<b>112.881.979.688</b>

BẢNG CÂN ĐÒI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>13.560.413.080</b>	<b>8.822.447.866</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>13.560.413.080</b>	<b>8.822.447.866</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		11.000.000	-
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	1.273.272.810	703.377.222
314	3. Phải trả người lao động		10.720.497.561	6.910.488.994
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		111.500.000	54.100.000
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	12	833.363.982	774.552.923
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		610.778.727	379.928.727
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>112.641.926.939</b>	<b>104.059.531.822</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>13</b>	<b>112.641.926.939</b>	<b>104.059.531.822</b>
411	1. Vốn cổ phần		52.800.000.000	52.800.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		52.800.000.000	52.800.000.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(160.000.000)	(160.000.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		18.879.322.392	18.879.322.392
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		41.122.604.547	32.540.209.430
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		15.448.209.430	9.874.597.427
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		25.674.395.117	22.665.612.003
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>126.202.340.019</b>	<b>112.881.979.688</b>

  
Vương Quý Khen  
Người lập

  
Lê Thị Ngọc Hằng  
Kế toán trưởng



  
Lý Ngọc Tuấn  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần về bán hàng	14.1	556.680.739.566	519.324.083.676
11	2. Giá vốn hàng bán	15	(475.044.321.318)	(445.555.283.559)
20	3. Lợi nhuận gộp về bán hàng		81.636.418.248	73.768.800.117
21	4. Doanh thu hoạt động tài chính	14.2	425.858.988	691.067.453
25	5. Chi phí bán hàng	16	(39.473.964.612)	(36.463.291.919)
26	6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	(10.425.369.720)	(9.524.665.396)
30	7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		32.162.942.904	28.471.910.255
31	8. Thu nhập khác		3.270.020	32.273.636
32	9. Chi phí khác		(1.975.498)	(8.660.478)
40	10. Lợi nhuận khác		1.294.522	23.613.158
50	11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		32.164.237.426	28.495.523.413
51	12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	19	(6.489.842.309)	(5.829.911.410)
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN		25.674.395.117	22.665.612.003
70	14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.5	4.877	4.059
71	15. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	13.5	4.877	4.059

Vương Quý Khen  
Người lập

Lê Thị Ngọc Hằng  
Kế toán trưởng



Lý Ngọc Tuấn  
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 2 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		32.164.237.426	28.495.523.413
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao	10	4.940.504.600	4.626.358.178
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(425.858.988)	(691.067.453)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		36.678.883.038	32.430.814.138
09	Tăng các khoản phải thu		(11.182.521.744)	(271.041.113)
10	Tăng giảm hàng tồn kho		(12.208.929.314)	(3.780.646.301)
11	Tăng các khoản phải trả		4.344.948.301	395.908.847
12	Giảm chi phí trả trước		1.524.565.439	1.847.109.296
13	Giảm (tăng) chứng khoán kinh doanh		5.000.000.000	(5.000.000.000)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	11	(6.399.678.701)	(6.407.064.012)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.069.150.000)	(1.431.509.479)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		16.688.117.019	17.783.571.376
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm xây dựng tài sản cố định		(697.126.122)	(1.801.661.464)
23	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn		(13.499.418.464)	(20.615.452.258)
24	Tiền thu hồi khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		18.244.452.258	15.607.256.127
27	Thu lãi tiền gửi		549.805.144	420.625.420
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		4.597.712.816	(6.389.232.175)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
36	Cổ tức đã trả	13.3	(15.792.000.000)	(15.792.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(15.792.000.000)	(15.792.000.000)



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày ngày 31 tháng 12 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		5.493.829.835	(4.397.660.799)
60	Tiền đầu năm		5.916.814.553	10.314.475.352
70	Tiền cuối năm	4	11.410.644.388	5.916.814.553

  
Vương Quý Khen  
Người lập

  
Lê Thị Ngọc Hằng  
Kế toán trưởng

  
Lý Ngọc Tuấn  
Tổng Giám đốc



Ngày 28 tháng 2 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Phát triển Điện Trà Vinh ("Công ty") trước đây là một doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo theo Quyết định số 1154/QĐ-UBND do Ủy ban Nhân dân Tỉnh Trà Vinh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2005. Việc cổ phần hóa đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Trà Vinh đồng thuận bằng việc cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp ("GCNĐKDN") số 2100110200 ngày 13 tháng 7 năm 2006 và các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

Ngày 9 tháng 9 năm 2010, cổ phiếu của Công ty chính thức giao dịch trên thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty đại chúng chưa niêm yết ("UPCOM") với mã chứng khoán DTV.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là bán lẻ điện nông thôn; thi công lắp đặt đường dây và trạm biến áp đến cấp điện áp 35 KV; tư vấn, thiết kế, giám sát các công trình điện đến cấp điện áp 35 KV.

Công ty có trụ sở chính tại Số 68, Đường Nguyễn Chí Thanh, Khóm 1, Phường 9, Thành phố Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 185 (ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 181).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)**

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	7 - 15 năm

**3.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí lắp nhánh rẽ khách hàng;
- ▶ Phí kiểm định công tơ, máy biến áp; và
- ▶ Đường dây hạ thế.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của quyền sử dụng đất.

**3.8 Các khoản đầu tư**

*Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá mua thực tế.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được và không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.11 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.12 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

► **Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

► **Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

**3.13 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán điện thương phẩm*

Doanh thu được ghi nhận dựa trên số lượng điện thực tế đã bán và truyền tải đến các hộ dân tại cuối mỗi tháng.

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế TNDN hiện hành phải nộp và tài sản thuế TNDN hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế TNDN hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế TNDN hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	23.107.664	87.804.463
Tiền gửi ngân hàng	11.387.536.724	5.829.010.090
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>11.410.644.388</b>	<b>5.916.814.553</b>

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	VND					
	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Trái phiếu không chuyển đổi</b>						
Công ty Cổ phần Bất động sản Hano-Vid	-	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000	-
<b>Cổ phiếu</b>						
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	62.484	169.500	-	62.484	172.750	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>62.484</b>	<b>169.500</b>	<b>-</b>	<b>5.000.062.484</b>	<b>5.000.172.750</b>	<b>-</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng ngắn hạn có kỳ hạn còn lại dưới 12 tháng.

Chi tiết khoản tiền gửi ngân hàng ngắn hạn như sau:

Tiền gửi ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất
	VND		%/năm
Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Chi nhánh Trà Vinh	4.247.000.000	Ngày 9 tháng 5 năm 2022	5,7%
Ngân hàng TMCP Kiên Long – Chi nhánh Trà Vinh	123.418.464	Ngày 12 tháng 10 năm 2022	6,0%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.370.418.464</b>		

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>49.579.039.314</b>	<b>34.639.605.431</b>
Phải thu từ khách hàng	49.487.738.967	34.488.586.311
Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 20)	91.300.347	151.019.120
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>25.366.596</b>
Phải thu từ khách hàng	-	25.366.596
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>49.579.039.314</b>	<b>34.664.972.027</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(61.795.778)	-
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>49.517.243.536</b>	<b>34.664.972.027</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	61.795.778	-
Số cuối năm	61.795.778	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho dự án	4.733.580.000	-
Lãi tiền gửi	36.111.004	157.663.826
Phải thu Công ty Điện lực Trà Vinh liên quan đến số tiền giảm do khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19	-	8.553.883.528
Khác	420.550.603	354.474.902
Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 20)	568.222.600	500.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.758.464.207</u></b>	<b><u>9.566.022.256</u></b>

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	13.806.823.103	7.108.070.619
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	200.661.394	149.831.289
Khác	52.105.517	18.449.360
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>14.059.590.014</u></b>	<b><u>7.276.351.268</u></b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(380.820.678)	-
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>13.678.769.336</u></b>	<b><u>7.276.351.268</u></b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	380.820.678	-
Số cuối năm	<u>380.820.678</u>	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>	<b>421.686.840</b>	<b>428.874.489</b>
Công cụ, dụng cụ	200.986.420	133.385.620
Đường dây hạ thế	97.423.176	127.253.914
Khác	123.277.244	168.234.955
<b>Dài hạn</b>	<b>7.228.488.888</b>	<b>8.745.866.678</b>
Chi phí lắp nhánh rẽ khách hàng	3.520.525.493	4.765.753.587
Phí kiểm định công tơ, máy biến áp	1.422.278.425	1.324.078.611
Điện kế	1.166.343.047	1.166.807.255
Tiền thuê đất trả trước	767.894.656	787.457.368
Đường dây hạ thế	342.384.140	670.633.942
Khác	9.063.127	31.135.915
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.650.175.728</u></b>	<b><u>9.174.741.167</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	5.080.814.334	106.280.135	94.039.609.927	181.809.530	99.408.513.926
Mua trong năm	-	-	6.572.022.141	-	6.572.022.141
Chuyển sang hàng tồn kho	-	-	(65.175.308)	-	(65.175.308)
Thanh lý	-	-	(3.209.465)	-	(3.209.465)
Số cuối năm	5.080.814.334	106.280.135	100.543.247.295	181.809.530	105.912.151.294
<b>Trong đó:</b>					
Đã khấu hao hết	1.423.667.106	106.280.135	46.738.217.767	181.809.530	48.449.974.538
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>					
Số đầu năm	(2.863.318.456)	(106.280.135)	(64.109.542.130)	(181.809.530)	(67.260.950.251)
Khấu hao trong năm	(203.032.250)	-	(4.737.472.350)	-	(4.940.504.600)
Chuyển sang hàng tồn kho	-	-	32.587.659	-	32.587.659
Thanh lý	-	-	1.547.746	-	1.547.746
Số cuối năm	(3.066.350.706)	(106.280.135)	(68.812.879.075)	(181.809.530)	(72.167.319.446)
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	2.217.495.878	-	29.930.067.797	-	32.147.563.675
Số cuối năm	2.014.463.628	-	31.730.368.220	-	33.744.831.848

VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	393.708.941	7.586.356.951	(7.108.400.571)	871.665.321
Thuế thu nhập doanh nghiệp	306.218.281	6.489.842.309	(6.399.678.701)	396.381.889
Thuế thu nhập cá nhân	3.450.000	462.504.278	(460.728.678)	5.225.600
Thuế đất	-	38.845.168	(38.845.168)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>703.377.222</b>	<b>14.577.548.706</b>	<b>(14.007.653.118)</b>	<b>1.273.272.810</b>
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
<b>Phải thu</b>				
Thuế đất	-	13.862.128	-	13.862.128

VND

12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đường dây hạ áp khu tái định cư Hiệp Thạnh phải trả cho ngân sách Tỉnh Trà Vinh	572.494.823	572.494.823
Khác	260.869.159	202.058.100
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>833.363.982</b>	<b>774.552.923</b>

VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**13.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>					
Số đầu năm	52.800.000.000	(160.000.000)	18.879.322.392	26.666.597.427	98.185.919.819
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	22.665.612.003	22.665.612.003
Cổ tức công bố	-	-	-	(15.792.000.000)	(15.792.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Thường Ban điều hành	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Số cuối năm	52.800.000.000	(160.000.000)	18.879.322.392	32.540.209.430	104.059.531.822
<b>Năm nay</b>					
Số đầu năm	52.800.000.000	(160.000.000)	18.879.322.392	32.540.209.430	104.059.531.822
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	25.674.395.117	25.674.395.117
Cổ tức công bố (*)	-	-	-	(15.792.000.000)	(15.792.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(1.300.000.000)	(1.300.000.000)
Số cuối năm	52.800.000.000	(160.000.000)	18.879.322.392	41.122.604.547	112.641.926.939

(\*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 06/NQ-DHĐCĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021, cổ đông của Công ty đã thống nhất thông qua Tờ trình của Hội đồng Quản trị và kế hoạch chi trả cổ tức cho các cổ đông hiện hữu của Công ty tại mức 30% trên mệnh giá của cổ phiếu phổ thông. Công ty đã chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức 30% này, tương đương với 15.792.000.000 đồng, vào các ngày 26 tháng 2 năm 2021 và ngày 29 tháng 4 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**13.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Cổ phiếu thường	Giá trị VND	Cổ phiếu thường	Giá trị VND
Vốn góp cổ đông Công ty TNHH Năng lượng REE Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA Công ty Cổ phần Galax Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh Cổ đông khác	5.280.000	52.800.000.000	5.280.000	52.800.000.000
Cổ phiếu quỹ	(16.000)	(160.000.000)	(16.000)	(160.000.000)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>5.264.000</b>	<b>52.640.000.000</b>	<b>5.264.000</b>	<b>52.640.000.000</b>

**13.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Vốn cổ phần đã góp</b>		
Số đầu năm và số cuối năm	52.800.000.000	52.800.000.000
Cổ tức công bố	15.792.000.000	15.792.000.000
Cổ tức đã trả	15.792.000.000	15.792.000.000

**13.4 Cổ phiếu**

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành Cổ phiếu phổ thông	5.280.000	5.280.000
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ Cổ phiếu phổ thông	5.280.000	5.280.000
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	(16.000)	(16.000)
Cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	5.264.000	5.264.000

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

13.5 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	25.674.395.117	22.665.612.003
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(1.300.000.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	25.674.395.117	21.365.612.003
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (cổ phiếu)	5.264.000	5.264.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	4.877	4.059
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	4.877	4.059

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2020 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2020 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2021 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2021 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính này.

14. DOANH THU

14.1 Doanh thu thuần về bán hàng

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán điện thương phẩm	549.002.960.666	510.164.624.436
Doanh thu bán thiết bị điện	7.677.778.900	9.159.459.240
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>556.680.739.566</b>	<b>519.324.083.676</b>

14.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	413.800.316	628.800.762
Lãi trả chậm	12.058.672	62.266.691
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>425.858.988</b>	<b>691.067.453</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của điện thương phẩm	458.291.223.759	429.227.023.761
Giá vốn của thiết bị điện	4.958.296.237	4.766.496.093
Chi phí khấu hao	4.481.548.823	4.072.763.454
Chi phí phân bổ	4.855.630.483	4.880.944.253
Khác	2.457.622.016	2.608.055.998
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>475.044.321.318</b>	<b>445.555.283.559</b>

16. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	35.251.270.655	33.177.103.195
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.491.560.575	1.413.534.501
Chi phí khấu hao	130.503.890	145.126.293
Chi phí dịch vụ mua ngoài	118.131.173	155.854.082
Khác	2.482.498.319	1.571.673.848
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>39.473.964.612</b>	<b>36.463.291.919</b>

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	7.467.396.830	6.828.695.375
Chi phí dịch vụ mua ngoài	345.084.505	418.653.472
Chi phí khấu hao	328.451.887	408.468.431
Thiết bị văn phòng	123.420.481	143.800.345
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	61.795.778	-
Khác	2.099.220.239	1.725.047.773
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.425.369.720</b>	<b>9.524.665.396</b>

18. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của điện thương phẩm	458.291.223.759	429.227.023.761
Chi phí nhân viên	42.718.667.485	40.005.798.570
Nguyên vật liệu	7.415.918.253	7.374.552.091
Chi phí khấu hao (Thuyết minh số 10)	4.940.504.600	4.626.358.178
Chi phí dịch vụ mua ngoài	463.215.678	574.507.554
Khác	11.114.125.875	9.735.000.720
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>524.943.655.650</b>	<b>491.543.240.874</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**19. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**19.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.489.842.309	5.805.438.615
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước	-	24.472.795
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>6.489.842.309</b>	<b>5.829.911.410</b>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>32.164.237.426</b>	<b>28.495.523.413</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	6.432.847.485	5.699.104.682
Thù lao Thành viên Hội đồng Quản trị không tham gia điều hành trực tiếp	54.984.000	48.642.852
Chi phí không được trừ	2.010.824	57.691.081
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước	-	24.472.795
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>6.489.842.309</b>	<b>5.829.911.410</b>

**19.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Năng lượng Ree	Công ty mẹ	Cổ tức đã trả	10.467.816.000	-
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Công ty mẹ tối cao	Bán nguyên vật liệu Mua hàng hóa Cung cấp dịch vụ Cổ tức đã trả	407.762.000 159.126.268 66.000.000 -	- - 155.000.315 10.467.816.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư IPA	Cổ đông lớn	Cổ tức đã trả	3.225.774.000	3.225.774.000
Công ty Cổ phần Galax	Cổ đông lớn	Cổ tức đã trả	1.125.810.000	1.125.810.000
Công ty TNHH Dịch vụ và Sản xuất REEPRO	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	54.289.794

Tại ngày kết thúc kỳ kết toán năm, số dư các khoản phải thu với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu khách hàng</b>				
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Công ty mẹ tối cao	Cung cấp dịch vụ	91.300.347	91.300.347
Công ty TNHH Dịch vụ và Sản xuất REEPRO	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	59.718.773
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>91.300.347</b>	<b>151.019.120</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>				
Công ty Cổ phần Cơ Điện Lạnh	Công ty mẹ tối cao	Cung cấp dịch vụ	568.222.600	-
Bà Lê Thị Khê	Chủ tịch	Tạm ứng cho dự án	-	500.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>			<b>568.222.600</b>	<b>500.000.000</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**20. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN** (tiếp tục)

*Giao dịch với các bên liên quan khác:*

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc, thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong năm:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập và thù lao	<u>2.300.766.230</u>	<u>2.316.379.772</u>

**21. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc ngày kế toán năm, khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	86.601.345	86.601.345
Từ 1 đến 5 năm	433.006.725	433.006.725
Trên 5 năm	<u>3.391.779.044</u>	<u>3.478.380.389</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.911.387.114</u></b>	<b><u>3.997.988.459</u></b>

**22. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính.

  
 Vuong Quý Khen  
 Người lập

  
 Lê Thị Ngọc Hằng  
 Kế toán trưởng

  
 Lý Ngọc Tuấn  
 Tổng Giám đốc



Ngày 28 tháng 2 năm 2022



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN TRÀ VINH**

Trà Vinh, ngày 29 tháng 03 năm 2022

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

  
  
**LÝ NGỌC TUẤN**